



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

Tỉnh Đồng Nai

Số 43

Ngày 03 tháng 11 năm 2023

## MỤC LỤC

Trang

### VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

18-10-2023	Quyết định số 44/2023/QĐ-UBND ban hành Quy chế quản lý, sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ của cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Đồng Nai	2
26-10-2023	Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị chuyên dùng đặc thù thuộc lĩnh vực y tế cho các cơ sở y tế thuộc ngành y tế tỉnh Đồng Nai quản lý	10

### VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

10-10-2023	Kế hoạch số 240/KH-UBND thực hiện Chương trình Bình ổn giá, bình ổn thị trường một số mặt hàng thiết yếu năm 2023 - 2024, phục vụ tết Nguyên đán năm 2024 và ứng phó với các tình huống thiên tai, dịch bệnh	42
------------	--	----

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 44/2023/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 18 tháng 10 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ  
của cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Đồng Nai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2020/TT-BNG ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao hướng dẫn việc cấp, gia hạn, hủy giá trị sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ và cấp công hàm đề nghị phía nước ngoài cấp thị thực;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Ngoại vụ tại Tờ trình số 2596/TTr-SNgV ngày 26 tháng 9 năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ của cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Đồng Nai.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2023 và thay thế Quyết định số 37/2013/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định sử dụng và quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ của cán bộ, công chức tỉnh Đồng Nai.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Ngoại vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các tổ chức chính trị - xã hội thuộc tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tỉnh và các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
Q. CHỦ TỊCH**

**Võ Tấn Đức**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY CHẾ

Quản lý, sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ  
của cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Đồng Nai  
(Kèm theo Quyết định số 44/2023/QĐ-UBND  
ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý, sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (sau đây gọi chung là hộ chiếu) của cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Đồng Nai.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc hệ thống các cơ quan Đảng, cơ quan Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội thuộc tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập được cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ theo quy định tại Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam ngày 22 tháng 11 năm 2019 (sau đây gọi tắt là Luật Xuất, nhập cảnh) và Thông tư số 04/2020/TT-BNG ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao hướng dẫn việc cấp, gia hạn, hủy giá trị sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ và cấp công hàm đề nghị phía nước ngoài cấp thị thực (sau đây gọi tắt là Thông tư số 04/2020/TT-BNG).

#### Điều 3. Nguyên tắc quản lý, sử dụng hộ chiếu

Hộ chiếu là tài sản của Nhà nước. Việc cấp, quản lý, sử dụng, gia hạn, hủy giá trị sử dụng hộ chiếu được thực hiện theo quy định tại các Điều 8, 9, 10, 11, 12, 13, 23, 24, 25, 27, 28 và 30 Luật Xuất, nhập cảnh; Thông tư số 04/2020/TT-BNG và các quy định khác có liên quan. Việc sử dụng hộ chiếu không được gây thiệt hại cho uy tín và lợi ích của Nhà nước.

### Chương II QUẢN LÝ, SỬ DỤNG HỘ CHIẾU

#### Điều 4. Đối tượng được cấp hộ chiếu ngoại giao

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 8 Điều 8 Luật Xuất, nhập cảnh, đối tượng cán bộ của tỉnh Đồng Nai thuộc diện được cấp hộ chiếu ngoại giao, gồm:

- Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng.
- Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy.

3. Đại biểu Quốc hội.

4. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

#### **Điều 5. Đối tượng được cấp hộ chiếu công vụ**

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 và điểm c, d, đ khoản 2 Điều 9 Luật Xuất, nhập cảnh, đối tượng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Đồng Nai thuộc diện được cấp hộ chiếu công vụ, gồm:

1. Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

2. Viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập, gồm:

a) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập; người giữ chức vụ cấp trưởng, cấp phó tổ chức cấu thành đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;

b) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Huyện ủy, Thành ủy thuộc Tỉnh ủy; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Người giữ vị trí việc làm gắn với nhiệm vụ quản lý nhà nước trong đơn vị sự nghiệp công lập được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước.

#### **Điều 6. Điều kiện cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ**

Cán bộ, công chức, viên chức được cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Thuộc đối tượng quy định tại Điều 4 hoặc Điều 5 của Quy chế này.

2. Được cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 7 của Quy chế này cử hoặc cho phép ra nước ngoài để thực hiện nhiệm vụ công tác.

#### **Điều 7. Thẩm quyền cho phép, quyết định cử người thuộc diện cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ**

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, 7, 10 và 11 Điều 11 Luật Xuất, nhập cảnh, thẩm quyền cho phép, quyết định cử người thuộc diện cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ, gồm:

1. Tỉnh ủy.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Đối với nhân sự thuộc diện quản lý của Bộ Chính trị, Ban Bí thư thì thực hiện theo các quy định liên quan.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được ủy quyền cho người đứng đầu đơn vị trực thuộc trong việc cử hoặc cho phép cán bộ, công chức, viên chức đi công tác nước ngoài và thông báo bằng văn bản cho cơ quan có thẩm quyền cấp hộ chiếu.

#### **Điều 8. Thời hạn của hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ**

Thời hạn của hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ cấp trong trường hợp bị hỏng; hoặc mất khi đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài có giá trị 01 năm và thời hạn của hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ cấp trong trường hợp hộ chiếu hết trang; hoặc gia hạn không dài hơn thời hạn của hộ chiếu cũ và tối thiểu là 01 năm, theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 04/2020/TT-BNG.

### **Điều 9. Quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền Sở Ngoại vụ có trách nhiệm tiếp nhận và quản lý hộ chiếu của cán bộ, công chức, viên chức theo quy định tại Điều 2 của Quy chế này.

2. Trình tự, thủ tục quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ được thực hiện như sau:

a) Lập sổ theo dõi việc giao, nhận hộ chiếu và đảm bảo an toàn tuyệt đối cho hộ chiếu khi được lưu giữ tại cơ quan, không để thất lạc, ẩm ướt, hư hại hoặc không sử dụng được;

b) Thực hiện bàn giao hộ chiếu cho cán bộ, công chức, viên chức khi có quyết định chấp thuận cử đi công tác nước ngoài của Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan được ủy quyền quản lý nhà nước về giải quyết nhân sự ra nước ngoài của tỉnh Đồng Nai. Cán bộ, công chức, viên chức đến nhận hộ chiếu phải xuất trình Giấy biên nhận nộp hộ chiếu do Sở Ngoại vụ cấp, thực hiện các thủ tục ký nhận, bàn giao đúng quy định. Nếu hộ chiếu còn thời hạn sử dụng dưới 06 (sáu) tháng thì thông báo cho cán bộ, công chức, viên chức biết để chủ động đề nghị gia hạn hoặc đề nghị xin cấp hộ chiếu mới theo quy định;

c) Hộ chiếu được Sở Ngoại vụ giao lại cho cán bộ, công chức, viên chức phải đảm bảo là loại hộ chiếu theo đúng mục đích của chuyến đi công vụ ở nước ngoài; đúng đối tượng có tên trong hộ chiếu. Trường hợp vì một lý do nào đó, người được cử đi nước ngoài khi có quyết định của cơ quan cấp thẩm quyền nhưng không thể đến Sở Ngoại vụ để nhận hộ chiếu, được quyền cử người khác đến nhận hộ chiếu thay và phải kèm giấy giới thiệu của cơ quan liên quan. Khi đến nộp lại hộ chiếu cho Sở Ngoại vụ, cán bộ, công chức, viên chức được cấp giấy biên nhận hộ chiếu theo quy định;

d) Báo cáo bằng văn bản cho cơ quan quản lý cán bộ, công chức, viên chức về việc người được cấp hộ chiếu cố tình không nộp lại hộ chiếu theo quy định sau khi nhập cảnh về nước, sử dụng hộ chiếu không đúng quy định và có biện pháp kịp thời thu hồi hộ chiếu;

đ) Thông báo ngay bằng văn bản cho cơ quan cấp hộ chiếu thuộc Bộ Ngoại giao (Cục Lãnh sự hoặc Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh) về việc hộ chiếu do cơ quan mình quản lý bị mất, bị hỏng;

e) Chuyển cho cơ quan cấp hộ chiếu thuộc Bộ Ngoại giao (Cục Lãnh sự hoặc Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh) để hủy giá trị hộ chiếu của những người không còn thuộc diện được sử dụng hộ chiếu theo quy định, bao gồm những người đã nghỉ hưu, thôi việc, hết nhiệm kỳ công tác, ra khỏi biên chế, bị chết, bị mất tích.

**Điều 10. Sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ**

Thực hiện theo quy định tại Điều 25 Luật Xuất, nhập cảnh, việc sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ, cụ thể:

1. Cán bộ, công chức, viên chức được cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ trong trường hợp đi nước ngoài theo quyết định cử hoặc văn bản đồng ý của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 7 của Quy chế này, trừ trường hợp đi học tập ở nước ngoài với thời hạn trên 06 tháng.

2. Việc sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ đi công tác nước ngoài phù hợp với quyết định cử đi công tác và tính chất công việc thực hiện ở nước ngoài.

**Điều 11. Các trường hợp thu hồi, hủy giá trị sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ**

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 27 Luật Xuất, nhập cảnh, các trường hợp thu hồi, hủy giá trị sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ, cụ thể:

1. Hủy giá trị sử dụng hộ chiếu còn thời hạn bị mất.

2. Thu hồi, hủy giá trị sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ còn thời hạn đối với trường hợp không còn thuộc đối tượng được sử dụng.

**Điều 12. Hủy giá trị sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ còn thời hạn bị mất**

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Xuất, nhập cảnh, việc hủy giá trị sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ được quy định cụ thể:

Cơ quan quản lý trực tiếp của người được cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ gửi thông báo bằng văn bản việc mất hộ chiếu trong thời gian sớm nhất cho Cơ quan Lãnh sự Bộ Ngoại giao, cơ quan được Bộ Ngoại giao ủy quyền cấp hộ chiếu hoặc cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài nơi thuận lợi.

**Điều 13. Thu hồi, hủy giá trị sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ đối với trường hợp không còn thuộc đối tượng được sử dụng**

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 30 Luật Xuất, nhập cảnh về việc thu hồi, hủy giá trị sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ đối với trường hợp không còn thuộc đối tượng được sử dụng, cụ thể:

1. Trường hợp không còn thuộc đối tượng được sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ, gồm:

a) Người đã được cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ bị chết hoặc bị mất tích;

b) Người được cấp hộ chiếu ngoại giao do thay đổi chức vụ, chức danh mà không còn thuộc đối tượng quy định tại Điều 4 của Quy chế này;

c) Người đã được cấp hộ chiếu công vụ do thay đổi vị trí việc làm mà không còn thuộc đối tượng quy định tại Điều 5 của Quy chế này.

2. Khi có trường hợp không còn thuộc đối tượng được sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ, Sở Ngoại vụ gửi văn bản đề nghị thu hồi, hủy giá trị sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ theo mẫu Cục Lãnh sự hoặc Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Chương III**

## **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN**

#### **Điều 14. Trách nhiệm của cơ quan quản lý hộ chiếu**

1. Sở Ngoại vụ chịu trách nhiệm quản lý, bảo quản, lưu trữ hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh đảm bảo chặt chẽ, an toàn tuyệt đối và theo quy định hiện hành.

2. Thực hiện các thủ tục cấp, gia hạn, hủy giá trị sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ theo quy định hiện hành.

#### **Điều 15. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức được cấp hộ chiếu**

1. Cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm giữ gìn và bảo quản hộ chiếu cẩn thận, không được tẩy xóa, sửa chữa nội dung trong hộ chiếu, không được cho người khác sử dụng, không được sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ để đi nước ngoài với mục đích cá nhân, giải quyết việc riêng. Cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm Quy chế này và các quy định của pháp luật, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Chỉ được sử dụng một loại hộ chiếu còn giá trị sử dụng cho mỗi chuyến đi công tác nước ngoài phù hợp với quyết định cử đi công tác và tính chất công vụ ở nước ngoài, trừ trường hợp đặc biệt theo hướng dẫn của Bộ Ngoại giao.

3. Nếu bị mất hộ chiếu trong nước, cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm khai báo với cơ quan quản lý trực tiếp để báo cáo ngay bằng văn bản với Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Ngoại vụ) để báo cáo cơ quan cấp hộ chiếu thuộc Bộ Ngoại giao (Cục Lãnh sự hoặc Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh) thực hiện hủy giá trị sử dụng của hộ chiếu đó. Trường hợp bị mất hộ chiếu ở nước ngoài, thực hiện theo quy định tại Điều 12 của Quy chế này.

4. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhập cảnh Việt Nam sau khi kết thúc chuyến công tác ở nước ngoài, cán bộ, công chức, viên chức thuộc đối tượng được quy định tại Điều 2 của Quy chế này, phải nộp lại hộ chiếu cho cơ quan quản lý hộ chiếu tại Điều 9 của Quy chế này.

5. Khi thay đổi cơ quan làm việc, cán bộ, công chức, viên chức phải báo cáo bằng văn bản đến cơ quan quản lý hộ chiếu nắm thông tin về nơi chuyển đi và chuyển đến để cơ quan này thực hiện việc theo dõi, quản lý hộ chiếu.

**Điều 16. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, đơn vị, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

1. Chấp hành đúng các quy định của Nhà nước về bảo vệ bí mật quốc gia, các quy định pháp luật về hoạt động đối ngoại; chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xác nhận đủ và đúng thông tin trong tờ khai xin cấp hộ chiếu đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền; không cho phép đi nước ngoài đối với các trường hợp cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý nằm trong diện chưa được xuất cảnh, chưa được cấp giấy tờ có giá trị xuất cảnh, nhập cảnh Việt Nam được quy định tại Điều 33, Điều 34 và Điều 35 Luật Xuất, nhập cảnh.

2. Định kỳ ngày 15 của tháng cuối quý và ngày 15/10 hàng năm, báo cáo tình hình thực hiện nộp lại hộ chiếu của cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý gửi về Sở Ngoại vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc sau khi kết thúc chuyến đi nước ngoài, cán bộ, công chức, viên chức phải nộp lại hộ chiếu cho cơ quan quản lý hộ chiếu và thực hiện báo cáo kết quả chuyến đi cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Ngoại vụ) theo quy định.

3. Thực hiện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Ngoại vụ) trường hợp cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý khi đi nước ngoài để thực hiện công vụ, làm mất hộ chiếu; không tự nguyện nộp lại hộ chiếu cho cơ quan quản lý hộ chiếu theo quy định; sử dụng hộ chiếu không đúng mục đích chuyến đi gây ảnh hưởng về quan hệ đối ngoại; ở lại nước ngoài quá thời hạn cho phép; thay đổi mục đích chuyến đi trong thời gian ở nước ngoài.

4. Có trách nhiệm thông báo cho Sở Ngoại vụ biết để kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan cấp hộ chiếu thuộc Bộ Ngoại giao có biện pháp xử lý theo quy định đối với trường hợp cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền đã được cấp các loại hộ chiếu bao gồm những người được luân chuyển, điều động nhận công tác tại cơ quan, tổ chức khác thuộc tỉnh, đã nghỉ hưu, thôi việc, hết nhiệm kỳ công tác, ra khỏi biên chế, bị chết, bị mất tích.

5. Định kỳ thường xuyên tổ chức, đôn đốc, nhắc nhở cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý thực hiện nghiêm túc Quy chế quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Trường hợp thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh phát hiện cán bộ, công chức, viên chức thuộc đơn vị quản lý có tình không giao nộp hộ chiếu theo quy định hoặc sử dụng hộ chiếu trái với quy định của nhà nước phải có biện pháp xử lý tùy theo tính chất và mức độ vi phạm theo quy định hiện hành; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Ngoại vụ) kết quả thực hiện.

**Chương IV**  
**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 17. Điều khoản thi hành**



1. Giao trách nhiệm cho Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ, Công an tỉnh và các cơ quan liên quan hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Giám đốc các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội thuộc tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

### **Điều 18. Việc sửa đổi, bổ sung**

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh, vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Sở Ngoại vụ tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quy chế này cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn và quy định của pháp luật hiện hành./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 45/2023/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 26 tháng 10 năm 2023

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị chuyên dùng đặc thù thuộc lĩnh vực y tế cho các cơ sở y tế thuộc ngành y tế tỉnh Đồng Nai quản lý**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn tiêu chuẩn định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 6111/TTr-SYT ngày 06 tháng 10 năm 2023.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng đặc thù thuộc lĩnh vực y tế cho các cơ sở y tế thuộc ngành y tế tỉnh Đồng Nai quản lý, cụ thể như sau:

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng đặc thù thuộc lĩnh vực y tế tại Bệnh viện đa khoa Đồng Nai (*Phụ lục I kèm theo*).
2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng đặc thù thuộc lĩnh vực y tế tại Bệnh viện đa khoa Thống Nhất (*Phụ lục II kèm theo*).
3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng đặc thù thuộc lĩnh vực y tế tại Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai (*Phụ lục III kèm theo*).
4. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng đặc thù thuộc lĩnh vực y tế tại Bệnh viện đa khoa khu vực Long Khánh (*Phụ lục IV kèm theo*).

5. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng đặc thù thuộc lĩnh vực y tế tại Bệnh viện đa khoa khu vực Định Quán (*Phụ lục V kèm theo*).

6. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng đặc thù thuộc lĩnh vực y tế tại Bệnh viện đa khoa khu vực Long Thành (*Phụ lục VI kèm theo*).

7. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng đặc thù thuộc lĩnh vực y tế tại Bệnh viện Da liễu (*Phụ lục VII kèm theo*).

8. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng đặc thù thuộc lĩnh vực y tế tại Bệnh viện Phổi (*Phụ lục VIII kèm theo*).

9. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng đặc thù thuộc lĩnh vực y tế tại Bệnh viện Y dược cổ truyền (*Phụ lục IX kèm theo*).

10. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng đặc thù thuộc lĩnh vực y tế tại Trung tâm Y tế thành phố Biên Hoà (*Phụ lục X kèm theo*).

11. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng đặc thù thuộc lĩnh vực y tế tại Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Cửu (*Phụ lục XI kèm theo*).

12. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng đặc thù thuộc lĩnh vực y tế tại Trung tâm Y tế huyện Thống Nhất (*Phụ lục XII kèm theo*).

13. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng đặc thù thuộc lĩnh vực y tế tại Trung tâm Y tế huyện Trảng Bom (*Phụ lục XIII kèm theo*).

14. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng đặc thù thuộc lĩnh vực y tế tại Trung tâm Y tế huyện Cẩm Mỹ (*Phụ lục XIV kèm theo*).

15. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng đặc thù thuộc lĩnh vực y tế tại Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc (*Phụ lục XV kèm theo*).

16. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng đặc thù thuộc lĩnh vực y tế tại Trung tâm Y tế huyện Nhơn Trạch (*Phụ lục XVI kèm theo*).

17. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng đặc thù thuộc lĩnh vực y tế tại Trung tâm Y tế huyện Tân Phú (*Phụ lục XVII kèm theo*).

18. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng đặc thù thuộc lĩnh vực y tế tại Trung tâm Y tế thành phố Long Khánh (*Phụ lục XVIII kèm theo*).

19. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng đặc thù thuộc lĩnh vực y tế tại Trung tâm Y tế huyện Định Quán (*Phụ lục XIX kèm theo*).

20. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng đặc thù thuộc lĩnh vực y tế tại Trung tâm Y tế huyện Long Thành (*Phụ lục XX kèm theo*).

21. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng đặc thù thuộc lĩnh vực y tế tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (*Phụ lục XXI kèm theo*).

22. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng đặc thù thuộc lĩnh vực y tế tại Trung tâm Pháp y (*Phụ lục XXII kèm theo*).

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các cơ sở y tế thuộc ngành y tế tỉnh Đồng Nai quản lý sử dụng vốn nhà nước. Không sử dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị làm căn cứ để tính toán mức thanh toán chi phí cụ thể giữa cơ quan bảo hiểm xã hội và cơ sở y tế.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng đặc thù thuộc lĩnh vực y tế.

### **Điều 3. Trách nhiệm thực hiện**

1. Các cơ quan, tổ chức đơn vị có trách nhiệm thực hiện việc đầu tư, mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng đặc thù thuộc lĩnh vực y tế theo đúng định mức và các văn bản quy định hiện hành.

2. Sở Y tế thực hiện kiểm tra, giám sát việc mua sắm đáp ứng nhu cầu và nguồn nhân lực, quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng đặc thù thuộc lĩnh vực y tế của các đơn vị trực thuộc đúng quy định, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, Sở Y tế tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung Quyết định.

3. Các đơn vị sự nghiệp y tế căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức quy định của cơ quan có thẩm quyền ban hành; hiện trạng máy móc, thiết bị chuyên dùng đặc thù thuộc lĩnh vực y tế của đơn vị, điều kiện cơ sở vật chất để lắp đặt và nhân lực hiện có để khai thác, sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng đặc thù thuộc lĩnh vực y tế; khả năng cân đối kinh phí để tổ chức mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng đặc thù thuộc lĩnh vực y tế theo đúng quy định, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

4. Đối với tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng khác thuộc lĩnh vực y tế, giao Sở Y tế ban hành Quyết định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng khác thuộc lĩnh vực y tế cho các cơ sở y tế thuộc ngành y tế tỉnh Đồng Nai quản lý theo quy định.

### **Điều 4. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 11 năm 2023 và thay thế Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng đặc thù thuộc lĩnh vực y tế cho các cơ sở y tế thuộc ngành y tế tỉnh Đồng Nai quản lý.

2. Đối với những đề án, dự án có thực hiện mua sắm trang thiết bị y tế cho các cơ sở y tế được phê duyệt trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực, thì áp dụng tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Y tế, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp y tế và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
Q. CHỦ TỊCH**

**Võ Tấn Đức**

**Phụ lục I**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ**  
**CHUYÊN DÙNG ĐẶC THÙ THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ**  
**TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒNG NAI**  
*(Kèm theo Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND*  
*ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

STT	CHỦNG LOẠI	ĐVT	SỐ LƯỢNG TỐI ĐA
1.	Hệ thống X - quang		
a)	Máy X quang C Arm	Máy	5
b)	Máy X quang di động	Máy	12
c)	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	18
2.	Hệ thống CT - Scanner		
a)	Hệ thống CT Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	6
b)	Hệ thống CT Scanner ≥ 256 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	4
3.	Hệ thống chụp cộng hưởng từ ≥ 1.5 Tesla	Hệ thống	2
4.	Hệ thống chụp mạch số hóa xóa nền (DSA)	Hệ thống	3
5.	Siêu âm		
a)	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	13
b)	Máy siêu âm tổng quát	Máy	41
6.	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	7
7.	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	9
8.	Máy thận nhân tạo	Máy	120
9.	Máy thở	Máy	250
10.	Máy gây mê	Máy	22
11.	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	310
12.	Bơm tiêm điện	Cái	350
13.	Máy truyền dịch	Máy	250
14.	Dao mổ		
a)	Dao mổ điện cao tần	Cái	15
b)	Dao mổ siêu âm/ Dao hàn mạch/ Dao hàn mô	Cái	10
15.	Máy phá rung tim	Máy	35
16.	Máy tim phổi nhân tạo	Máy	3
17.	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	15
18.	Đèn mổ		
a)	Đèn mổ treo trần	Bộ	20
b)	Đèn mổ di động	Bộ	8
19.	Bàn mổ	Cái	26
20.	Máy điện tim	Máy	55
21.	Máy điện não	Máy	3
22.	Hệ thống khám nội soi		

<b>STT</b>	<b>CHUNG LOẠI</b>	<b>ĐVT</b>	<b>SỐ LƯỢNG TỐI ĐA</b>
a)	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	Hệ thống	2
b)	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	3
c)	Hệ thống nội soi tiết niệu	Hệ thống	1
d)	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	10
23.	Máy soi cổ tử cung	Máy	5
24.	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	47
25.	Thiết bị xạ trị		
a)	Hệ thống chụp hình cắt lớp photon đơn (SPECT, SPECT/CT)	Hệ thống	1
b)	Hệ thống gia tốc tuyến tính	Hệ thống	1

**Phụ lục II**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ**  
**CHUYÊN DÙNG ĐẶC THÙ THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ**  
**TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỐNG NHẤT**  
*(Kèm theo Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND*  
*ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

STT	CHUNG LOẠI	ĐVT	SỐ LƯỢNG TỐI ĐA
1.	Hệ thống X - quang		
a)	Máy X quang C Arm	Máy	11
b)	Máy X quang di động	Máy	11
c)	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	16
2.	Hệ thống CT - Scanner		
a)	Hệ thống CT Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	3
b)	Hệ thống CT Scanner $\geq$ 256 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1
c)	Hệ thống CT Scanner 64 - 128 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	2
3.	Hệ thống chụp cộng hưởng từ $\geq$ 1.5 Tesla	Hệ thống	3
4.	Hệ thống chụp mạch số hóa xóa nền (DSA)	Hệ thống	3
5.	Siêu âm		
a)	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	18
b)	Máy siêu âm tổng quát	Máy	69
6.	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	10
7.	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	15
8.	Máy thận nhân tạo	Máy	220
9.	Máy thở	Máy	180
10.	Máy gây mê	Máy	52
11.	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	210
12.	Bơm tiêm điện	Cái	334
13.	Máy truyền dịch	Máy	138
14.	Dao mổ		
a)	Dao mổ điện cao tần	Cái	48
b)	Dao mổ siêu âm/ Dao hàn mạch/ Dao hàn mô	Cái	25
15.	Máy phá rung tim	Máy	46
16.	Máy tim phổi nhân tạo	Máy	3
17.	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	22
18.	Đèn mổ		
a)	Đèn mổ treo trần	Bộ	45
b)	Đèn mổ di động	Bộ	12
19.	Bàn mổ	Cái	45
20.	Máy điện tim	Máy	71
21.	Máy điện não	Máy	4

<b>STT</b>	<b>CHUNG LOẠI</b>	<b>ĐVT</b>	<b>SỐ LƯỢNG TỐI ĐA</b>
22.	Hệ thống khám nội soi		
a)	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	Hệ thống	3
b)	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	19
c)	Hệ thống nội soi tiết niệu	Hệ thống	11
d)	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	24
23.	Máy soi cổ tử cung	Máy	10
24.	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	43



**Phụ lục III**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ**  
**CHUYÊN DÙNG ĐẶC THÙ THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ**  
**TẠI BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG ĐỒNG NAI**  
*(Kèm theo Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND*  
*ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

STT	SỐ LƯỢNG	ĐVT	SỐ LƯỢNG TỐI ĐA
1.	Hệ thống X - quang		
a)	Máy X quang C Arm	Máy	4
b)	Máy X quang di động	Máy	9
c)	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	6
2.	Hệ thống CT - Scanner		
a)	Hệ thống CT Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	2
b)	Hệ thống CT Scanner ≥ 256 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1
c)	Hệ thống CT Scanner 64 - 128 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1
3.	Hệ thống chụp cộng hưởng từ ≥ 1.5 Tesla	Hệ thống	1
4.	Hệ thống chụp mạch số hóa xóa nền (DSA)	Hệ thống	1
5.	Siêu âm		
a)	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	3
b)	Máy siêu âm tổng quát	Máy	16
6.	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	4
7.	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	2
8.	Máy thận nhân tạo	Máy	2
9.	Máy thở	Máy	160
10.	Máy gây mê	Máy	20
11.	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	203
12.	Bơm tiêm điện	Cái	346
13.	Máy truyền dịch	Máy	265
14.	Dao mổ		
a)	Dao mổ điện cao tần	Cái	22
b)	Dao mổ siêu âm/ Dao hàn mạch/ Dao hàn mô	Cái	3
15.	Máy phá rung tim	Máy	18
16.	Máy tim phổi nhân tạo	Máy	2
17.	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	7
18.	Đèn mổ		
a)	Đèn mổ treo trần	Bộ	15
b)	Đèn mổ di động	Bộ	11
19.	Bàn mổ	Cái	16
20.	Máy điện tim	Máy	13
21.	Máy điện não	Máy	3

<b>STT</b>	<b>SỐ LƯỢNG</b>	<b>ĐVT</b>	<b>SỐ LƯỢNG TỐI ĐA</b>
22.	Hệ thống khám nội soi		
a)	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	Hệ thống	5
b)	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	7
c)	Hệ thống nội soi tiết niệu	Hệ thống	2
d)	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	3

**Phụ lục IV**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ**  
**CHUYÊN DÙNG ĐẶC THÙ THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ**  
**TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC LONG KHÁNH**  
*(Kèm theo Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND*  
*ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

STT	CHUNG LOẠI	ĐVT	SỐ LƯỢNG TỐI ĐA
1.	Hệ thống X - quang		
a)	Máy X quang C Arm	Máy	4
b)	Máy X quang di động	Máy	8
c)	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	14
2.	Hệ thống CT - Scanner		
a)	Hệ thống CT Scanner $\geq 256$ lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1
b)	Hệ thống CT Scanner 64 - 128 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	8
3.	Hệ thống chụp cộng hưởng từ $\geq 1.5$ Tesla	Hệ thống	2
4.	Hệ thống chụp mạch số hóa xóa nền (DSA)	Hệ thống	2
5.	Siêu âm		
a)	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	7
b)	Máy siêu âm tổng quát	Máy	26
6.	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	7
7.	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	7
8.	Máy thận nhân tạo	Máy	46
9.	Máy thở	Máy	62
10.	Máy gây mê	Máy	18
11.	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	131
12.	Bơm tiêm điện	Cái	259
13.	Máy truyền dịch	Máy	236
14.	Dao mổ		
a)	Dao mổ điện cao tần	Cái	14
b)	Dao mổ siêu âm/ Dao hàn mạch/ Dao hàn mô	Cái	9
15.	Máy phá rung tim	Máy	23
16.	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	19
17.	Đèn mổ		
a)	Đèn mổ treo trần	Bộ	18
b)	Đèn mổ di động	Bộ	11
18.	Bàn mổ	Cái	16
19.	Máy điện tim	Máy	26
20.	Máy điện não	Máy	2
21.	Hệ thống khám nội soi		
a)	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	6

<b>STT</b>	<b>CHUNG LOẠI</b>	<b>ĐVT</b>	<b>SỐ LƯỢNG TỐI ĐA</b>
b)	Hệ thống nội soi tiết niệu	Hệ thống	3
c)	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	9
22.	Máy soi cổ tử cung	Máy	2
23.	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	22

**Phụ lục V**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ**  
**CHUYÊN DÙNG ĐẶC THÙ THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ**  
**TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC ĐỊNH QUÁN**  
*(Kèm theo Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND*  
*ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

STT	CHUNG LOẠI	ĐVT	SỐ LƯỢNG TỐI ĐA
1.	Hệ thống X - quang		
a)	Máy X quang C Arm	Máy	2
b)	Máy X quang di động	Máy	6
c)	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	6
2.	Hệ thống CT - Scanner		
a)	Hệ thống CT Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1
b)	Hệ thống CT Scanner 64 - 128 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1
3.	Hệ thống chụp cộng hưởng từ $\geq 1.5$ Tesla	Hệ thống	1
4.	Hệ thống chụp mạch số hóa xóa nền (DSA)	Hệ thống	1
5.	Siêu âm		
a)	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	2
b)	Máy siêu âm tổng quát	Máy	10
6.	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	4
7.	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	2
8.	Máy thận nhân tạo	Máy	46
9.	Máy thở	Máy	90
10.	Máy gây mê	Máy	12
11.	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	112
12.	Bơm tiêm điện	Cái	100
13.	Máy truyền dịch	Máy	100
14.	Dao mổ		
a)	Dao mổ điện cao tần	Cái	12
b)	Dao mổ siêu âm/ Dao hàn mạch/ Dao hàn mô	Cái	4
15.	Máy phá rung tim	Máy	17
16.	Máy tim phổi nhân tạo	Máy	1
17.	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	8
18.	Đèn mổ		
a)	Đèn mổ treo trần	Bộ	12
b)	Đèn mổ di động	Bộ	4
19.	Bàn mổ	Cái	12
20.	Máy điện tim	Máy	26
21.	Máy điện não	Máy	3
22.	Hệ thống khám nội soi		

<b>STT</b>	<b>CHUNG LOẠI</b>	<b>ĐVT</b>	<b>SỐ LƯỢNG TỐI ĐA</b>
a)	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	Hệ thống	1
b)	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	3
c)	Hệ thống nội soi tiết niệu	Hệ thống	2
d)	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	6
23.	Máy soi cổ tử cung	Máy	3
24.	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	15

**Phụ lục VI**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ**  
**CHUYÊN DÙNG ĐẶC THÙ THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ**  
**TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC LONG THÀNH**  
*(Kèm theo Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND*  
*ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

STT	CHUNG LOẠI	ĐVT	SỐ LƯỢNG TỐI ĐA
1.	Hệ thống X - quang		
a)	Máy X quang C Arm	Máy	1
b)	Máy X quang di động	Máy	3
c)	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	6
2.	Hệ thống CT - Scanner		
a)	Hệ thống CT Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1
b)	Hệ thống CT Scanner 64 - 128 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1
3.	Hệ thống chụp cộng hưởng từ $\geq 1.5$ Tesla	Hệ thống	1
4.	Hệ thống chụp mạch số hóa xóa nền (DSA)	Hệ thống	1
5.	Siêu âm		
a)	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	2
b)	Máy siêu âm tổng quát	Máy	10
6.	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	2
7.	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	2
8.	Máy thận nhân tạo	Máy	30
9.	Máy thở	Máy	112
10.	Máy gây mê	Máy	5
11.	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	58
12.	Bơm tiêm điện	Cái	38
13.	Máy truyền dịch	Máy	30
14.	Dao mổ		
	Dao mổ điện cao tần	Cái	4
15.	Máy phá rung tim	Máy	9
16.	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	5
17.	Đèn mổ		
a)	Đèn mổ treo trần	Bộ	5
b)	Đèn mổ di động	Bộ	10
18.	Bàn mổ	Cái	4
19.	Máy điện tim	Máy	15
20.	Máy điện não	Máy	3
21.	Hệ thống khám nội soi		
a)	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	Hệ thống	1
b)	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	3

<b>STT</b>	<b>CHUNG LOẠI</b>	<b>ĐVT</b>	<b>SỐ LƯỢNG TỐI ĐA</b>
c)	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	4
22.	Máy soi cổ tử cung	Máy	1
23.	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	15



**Phụ lục VII**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ**  
**CHUYÊN DÙNG ĐẶC THÙ THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ**  
**TẠI BỆNH VIỆN ĐA LIỄU**

(Kèm theo Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND  
ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	CHUNG LOẠI	ĐVT	SỐ LƯỢNG TỐI ĐA
1.	Hệ thống X - quang		
a)	Máy X quang di động	Máy	1
b)	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	1
2.	Siêu âm		
	Máy siêu âm tổng quát	Máy	2
3.	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	5
4.	Máy gây mê	Máy	2
5.	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	12
6.	Máy truyền dịch	Máy	2
7.	Dao mổ		
	Dao mổ điện cao tần	Cái	1
8.	Đèn mổ		
a)	Đèn mổ treo trần	Bộ	1
b)	Đèn mổ di động	Bộ	4
9.	Bàn mổ	Cái	3
10.	Máy điện tim	Máy	2

**Phụ lục VIII**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ**  
**CHUYÊN DÙNG ĐẶC THÙ THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ**  
**TẠI BỆNH VIỆN PHỔI**

(Kèm theo Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND  
ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	CHUNG LOẠI	ĐVT	SỐ LƯỢNG TỐI ĐA
1.	Hệ thống X - quang		
a)	Máy X quang di động	Máy	5
b)	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	4
2.	Siêu âm		
	Máy siêu âm tổng quát	Máy	5
3.	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	4
4.	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	3
5.	Máy thở	Máy	20
6.	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	24
7.	Bơm tiêm điện	Cái	65
8.	Máy truyền dịch	Máy	15
9.	Máy phá rung tim	Máy	5
10.	Đèn mổ		
	Đèn mổ di động	Bộ	2
11.	Máy điện tim	Máy	7
12.	Hệ thống khám nội soi		
	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	Hệ thống	3

**Phụ lục IX**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ**  
**CHUYÊN DÙNG ĐẶC THÙ THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ**  
**TẠI BỆNH VIỆN Y DƯỢC CỔ TRUYỀN**  
*(Kèm theo Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND*  
*ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

<b>STT</b>	<b>CHUNG LOẠI</b>	<b>ĐVT</b>	<b>SỐ LƯỢNG TỐI ĐA</b>
1.	Hệ thống X - quang		
	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	3
2.	Hệ thống CT - Scanner		
	Hệ thống CT Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1
3.	Siêu âm		
	Máy siêu âm tổng quát	Máy	3
4.	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	2
5.	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	1
6.	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	6
7.	Máy điện tim	Máy	6
8.	Máy điện não	Máy	1
9.	Hệ thống khám nội soi		
	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	1

**Phụ lục X**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ**  
**CHUYÊN DÙNG ĐẶC THÙ THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ**  
**TẠI TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**  
*(Kèm theo Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND*  
*ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

STT	CHUNG LOẠI	DVT	SỐ LƯỢNG TỐI ĐA
1.	Hệ thống X - quang		
a)	Máy X quang C Arm	Máy	1
b)	Máy X quang di động	Máy	2
c)	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	7
2.	Hệ thống CT - Scanner		
	Hệ thống CT Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	2
3.	Siêu âm		
a)	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	2
b)	Máy siêu âm tổng quát	Máy	6
4.	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	4
5.	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	2
6.	Máy thận nhân tạo	Máy	1
7.	Máy thở	Máy	11
8.	Máy gây mê	Máy	3
9.	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	6
10.	Bơm tiêm điện	Cái	13
11.	Máy truyền dịch	Máy	13
12.	Dao mổ		
a)	Dao mổ điện cao tần	Cái	3
b)	Dao mổ siêu âm/ Dao hàn mạch/ Dao hàn mô	Cái	2
13.	Máy phá rung tim	Máy	8
14.	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	6
15.	Đèn mổ		
a)	Đèn mổ treo trần	Bộ	4
b)	Đèn mổ di động	Bộ	5
16.	Bàn mổ	Cái	4
17.	Máy điện tim	Máy	10
18.	Máy điện não	Máy	1
19.	Hệ thống khám nội soi		
a)	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	3
b)	Hệ thống nội soi tiết niệu	Hệ thống	1
c)	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	2
20.	Máy soi cổ tử cung	Máy	3
21.	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	3

**Phụ lục XI**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ**  
**CHUYÊN DÙNG ĐẶC THÙ THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ**  
**TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN VĨNH CỬU**  
*(Kèm theo Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND*  
*ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

STT	CHUNG LOẠI	ĐVT	SỐ LƯỢNG TỐI ĐA
1.	Hệ thống X - quang		
a)	Máy X quang di động	Máy	3
b)	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	4
2.	Hệ thống CT - Scanner		
	Hệ thống CT Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1
3.	Siêu âm		
a)	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	2
b)	Máy siêu âm tổng quát	Máy	9
4.	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	3
5.	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	3
6.	Máy thận nhân tạo	Máy	5
7.	Máy thở	Máy	13
8.	Máy gây mê	Máy	3
9.	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	20
10.	Bơm tiêm điện	Cái	30
11.	Máy truyền dịch	Máy	14
12.	Dao mổ		
	Dao mổ điện cao tần	Cái	2
13.	Máy phá rung tim	Máy	6
14.	Đèn mổ		
a)	Đèn mổ treo trần	Bộ	5
b)	Đèn mổ di động	Bộ	6
15.	Bàn mổ	Cái	7
16.	Máy điện tim	Máy	12
17.	Máy điện não	Máy	3
18.	Hệ thống khám nội soi		
a)	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	2
b)	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	3
19.	Máy soi cổ tử cung	Máy	4
20.	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	6

**Phụ lục XII**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ**  
**CHUYÊN DÙNG ĐẶC THÙ THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ**  
**TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN THỐNG NHẤT**  
*(Kèm theo Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND*  
*ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

STT	CHUNG LOẠI	ĐVT	SỐ LƯỢNG TỐI ĐA
1.	Hệ thống X - quang		
a)	Máy X quang di động	Máy	1
b)	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	2
2.	Hệ thống CT - Scanner		
a)	Hệ thống CT Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1
b)	Hệ thống CT Scanner 64 - 128 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1
3.	Hệ thống chụp cộng hưởng từ $\geq 1.5$ Tesla	Hệ thống	1
4.	Siêu âm		
a)	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	1
b)	Máy siêu âm tổng quát	Máy	6
5.	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	1
6.	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	2
7.	Máy thở	Máy	11
8.	Máy gây mê	Máy	3
9.	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	27
10.	Bơm tiêm điện	Cái	59
11.	Máy truyền dịch	Máy	59
12.	Dao mổ		
a)	Dao mổ điện cao tần	Cái	3
b)	Dao mổ siêu âm/ Dao hàn mạch/ Dao hàn mô	Cái	3
13.	Máy phá rung tim	Máy	6
14.	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	3
15.	Đèn mổ		
a)	Đèn mổ treo trần	Bộ	3
b)	Đèn mổ di động	Bộ	3
16.	Bàn mổ	Cái	7
17.	Máy điện tim	Máy	6
18.	Máy điện não	Máy	2
19.	Hệ thống khám nội soi		
a)	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	2
b)	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	2
20.	Máy soi cổ tử cung	Máy	2
21.	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	8

**Phụ lục XIII**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ**  
**CHUYÊN DÙNG ĐẶC THÙ THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ**  
**TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TRẢNG BOM**  
*(Kèm theo Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND*  
*ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

STT	CHUNG LOẠI	ĐVT	SỐ LƯỢNG TỐI ĐA
1.	Hệ thống X - quang		
a)	Máy X quang C Arm	Máy	1
b)	Máy X quang di động	Máy	2
c)	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	3
2.	Hệ thống CT - Scanner		
	Hệ thống CT Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1
3.	Siêu âm		
a)	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	1
b)	Máy siêu âm tổng quát	Máy	9
4.	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	8
5.	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	1
6.	Máy thận nhân tạo	Máy	28
7.	Máy thở	Máy	18
8.	Máy gây mê	Máy	4
9.	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	15
10.	Bơm tiêm điện	Cái	12
11.	Máy truyền dịch	Máy	11
12.	Dao mổ		
a)	Dao mổ điện cao tần	Cái	4
b)	Dao mổ siêu âm/ Dao hàn mạch/ Dao hàn mô	Cái	2
13.	Máy phá rung tim	Máy	7
14.	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	2
15.	Đèn mổ		
a)	Đèn mổ treo trần	Bộ	4
b)	Đèn mổ di động	Bộ	5
16.	Bàn mổ	Cái	4
17.	Máy điện tim	Máy	31
18.	Máy điện não	Máy	2
19.	Hệ thống khám nội soi		
a)	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	1
b)	Hệ thống nội soi tiết niệu	Hệ thống	1
c)	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	4
20.	Máy soi cổ tử cung	Máy	2
21.	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	10

**Phụ lục XIV**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ**  
**CHUYÊN DÙNG ĐẶC THÙ THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ**  
**TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CẨM MỸ**  
*(Kèm theo Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND*  
*ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

STT	CHUNG LOẠI	ĐVT	SỐ LƯỢNG TỐI ĐA
1.	Hệ thống X - quang		
a)	Máy X quang C Arm	Máy	1
b)	Máy X quang di động	Máy	2
c)	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	5
2.	Hệ thống CT - Scanner		
a)	Hệ thống CT Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1
b)	Hệ thống CT Scanner 64 - 128 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1
3.	Hệ thống chụp cộng hưởng từ $\geq 1.5$ Tesla	Hệ thống	1
4.	Siêu âm		
a)	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	2
b)	Máy siêu âm tổng quát	Máy	8
5.	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	6
6.	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	1
7.	Máy thận nhân tạo	Máy	20
8.	Máy thở	Máy	9
9.	Máy gây mê	Máy	5
10.	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	20
11.	Bơm tiêm điện	Cái	53
12.	Máy truyền dịch	Máy	53
13.	Dao mổ		
a)	Dao mổ điện cao tần	Cái	4
b)	Dao mổ siêu âm/ Dao hàn mạch/ Dao hàn mô	Cái	4
14.	Máy phá rung tim	Máy	8
15.	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	8
16.	Đèn mổ		
a)	Đèn mổ treo trần	Bộ	4
b)	Đèn mổ di động	Bộ	4
17.	Bàn mổ	Cái	4
18.	Máy điện tim	Máy	8
19.	Máy điện não	Máy	1
20.	Hệ thống khám nội soi		
a)	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	2
b)	Hệ thống nội soi tiết niệu	Hệ thống	1



<b>STT</b>	<b>CHỦNG LOẠI</b>	<b>ĐVT</b>	<b>SỐ LƯỢNG TỐI ĐA</b>
c)	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	3
21.	Máy soi cổ tử cung	Máy	2
22.	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	6

**Phụ lục XV**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ**  
**CHUYÊN DÙNG ĐẶC THÙ THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ**  
**TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC**  
*(Kèm theo Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND*  
*ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

STT	CHỦNG LOẠI	ĐVT	SỐ LƯỢNG TỐI ĐA
1.	Hệ thống X - quang		
a)	Máy X quang C Arm	Máy	1
b)	Máy X quang di động	Máy	2
c)	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	3
2.	Hệ thống CT - Scanner		
	Hệ thống CT Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1
3.	Hệ thống chụp cộng hưởng từ $\geq 1.5$ Tesla	Hệ thống	1
4.	Siêu âm		
a)	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	2
b)	Máy siêu âm tổng quát	Máy	11
5.	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	4
6.	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	2
7.	Máy thận nhân tạo	Máy	27
8.	Máy thở	Máy	12
9.	Máy gây mê	Máy	4
10.	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	47
11.	Bơm tiêm điện	Cái	127
12.	Máy truyền dịch	Máy	52
13.	Dao mổ		
a)	Dao mổ điện cao tần	Cái	5
b)	Dao mổ siêu âm/ Dao hàn mạch/ Dao hàn mô	Cái	3
14.	Máy phá rung tim	Máy	6
15.	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	2
16.	Đèn mổ		
a)	Đèn mổ treo trần	Bộ	6
b)	Đèn mổ di động	Bộ	6
17.	Bàn mổ	Cái	3
18.	Máy điện tim	Máy	15
19.	Máy điện não	Máy	3
20.	Hệ thống khám nội soi		
a)	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	4
b)	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	4
21.	Máy soi cổ tử cung	Máy	4
22.	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	5

**Phụ lục XVI**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ**  
**CHUYÊN DÙNG ĐẶC THÙ THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ**  
**TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN NHƠN TRẠCH**  
*(Kèm theo Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND*  
*ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

STT	CHỦNG LOẠI	ĐVT	SỐ LƯỢNG TỐI ĐA
1.	Hệ thống X - quang		
a)	Máy X quang C Arm	Máy	1
b)	Máy X quang di động	Máy	2
c)	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	2
2.	Hệ thống CT - Scanner		
	Hệ thống CT Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1
3.	Siêu âm		
a)	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	1
b)	Máy siêu âm tổng quát	Máy	6
4.	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	2
5.	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	1
6.	Máy thở	Máy	12
7.	Máy gây mê	Máy	3
8.	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	15
9.	Bơm tiêm điện	Cái	20
10.	Máy truyền dịch	Máy	20
11.	Dao mổ		
a)	Dao mổ điện cao tần	Cái	7
b)	Dao mổ siêu âm/ Dao hàn mạch/ Dao hàn mô	Cái	2
12.	Máy phá rung tim	Máy	4
13.	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	2
14.	Đèn mổ		
a)	Đèn mổ treo trần	Bộ	6
b)	Đèn mổ di động	Bộ	3
15.	Máy điện tim	Máy	10
16.	Hệ thống khám nội soi		
a)	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	Hệ thống	1
b)	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	2
17.	Máy soi cổ tử cung	Máy	4
18.	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	4

**Phụ lục XVII**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ**  
**CHUYÊN DÙNG ĐẶC THÙ THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ**  
**TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TÂN PHÚ**  
*(Kèm theo Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND*  
*ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

STT	CHUNG LOẠI	ĐVT	SỐ LƯỢNG TỐI ĐA
1.	Hệ thống X - quang		
a)	Máy X quang di động	Máy	1
b)	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	2
2.	Hệ thống CT - Scanner		
a)	Hệ thống CT Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1
b)	Hệ thống CT Scanner 64 - 128 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1
3.	Siêu âm		
a)	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	2
b)	Máy siêu âm tổng quát	Máy	4
4.	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	5
5.	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	2
6.	Máy thở	Máy	11
7.	Máy gây mê	Máy	4
8.	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	9
9.	Bơm tiêm điện	Cái	9
10.	Máy truyền dịch	Máy	9
11.	Dao mổ		
a)	Dao mổ điện cao tần	Cái	3
b)	Dao mổ siêu âm/ Dao hàn mạch/ Dao hàn mô	Cái	1
12.	Máy phá rung tim	Máy	6
13.	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	4
14.	Đèn mổ		
a)	Đèn mổ treo trần	Bộ	5
b)	Đèn mổ di động	Bộ	4
15.	Bàn mổ	Cái	4
16.	Máy điện tim	Máy	5
17.	Máy điện não	Máy	1
18.	Hệ thống khám nội soi		
a)	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	Hệ thống	1
b)	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	3
c)	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	3
19.	Máy soi cổ tử cung	Máy	3
20.	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	4

**Phụ lục XVIII**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ**  
**CHUYÊN DÙNG ĐẶC THÙ THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ**  
**TẠI TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ LONG KHÁNH**  
*(Kèm theo Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND*  
*ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

STT	CHUNG LOẠI	ĐVT	SỐ LƯỢNG TỐI ĐA
1.	Hệ thống X - quang		
a)	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	2
b)	Máy X quang di động	Máy	2
2.	Siêu âm		
	Máy siêu âm tổng quát	Máy	5
3.	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	1
4.	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	1
5.	Máy thở	Máy	7
6.	Máy phá rung tim	Máy	1
7.	Máy điện tim	Máy	5
8.	Máy điện não	Máy	2
9.	Hệ thống khám nội soi		
	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	1
10.	Máy soi cổ tử cung	Máy	1
11.	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	1

**Phụ lục XIX**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ**  
**CHUYÊN DÙNG ĐẶC THÙ THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ**  
**TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN ĐỊNH QUÁN**  
*(Kèm theo Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND*  
*ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

STT	CHỦNG LOẠI	ĐVT	SỐ LƯỢNG TỐI ĐA
1.	Hệ thống X - quang		
a)	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	2
b)	Máy X quang di động	Máy	2
2.	Siêu âm		
	Máy siêu âm tổng quát	Máy	3
3.	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	2
4.	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	2
5.	Máy thở	Máy	2
6.	Máy phá rung tim	Máy	1
7.	Máy điện tim	Máy	3
8.	Máy điện não	Máy	2
9.	Hệ thống khám nội soi		
a)	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	Hệ thống	1
b)	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	1
c)	Hệ thống nội soi tiết niệu	Hệ thống	1
d)	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	1
10.	Máy soi cổ tử cung	Máy	1

**Phụ lục XX**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ**  
**CHUYÊN DÙNG ĐẶC THÙ THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ**  
**TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH**  
*(Kèm theo Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND*  
*ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

STT	CHUNG LOẠI	ĐVT	SỐ LƯỢNG TỐI ĐA
1.	Hệ thống X - quang		
a)	Máy X quang di động	Máy	2
b)	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	2
2.	Siêu âm		
	Máy siêu âm tổng quát	Máy	5
3.	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	2
4.	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	1
5.	Máy thở	Máy	1
6.	Máy phá rung tim	Máy	1
7.	Máy điện tim	Máy	5
8.	Máy điện não	Máy	2
9.	Hệ thống khám nội soi		
	Hệ thống nội soi tại mũi họng	Hệ thống	1
10.	Máy soi cổ tử cung	Máy	1
11.	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	1

**Phụ lục XXI**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ**  
**CHUYÊN DÙNG ĐẶC THÙ THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ**  
**TẠI TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**  
*(Kèm theo Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND*  
*ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

STT	CHUNG LOẠI	ĐVT	SỐ LƯỢNG TỐI ĐA
1.	Hệ thống X - quang		
a)	Máy X quang di động	Máy	2
b)	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	2
2.	Siêu âm		
	Máy siêu âm tổng quát	Máy	8
3.	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	5
4.	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	4
5.	Đèn mổ		
a)	Đèn mổ treo trần	Bộ	1
b)	Đèn mổ di động	Bộ	1
6.	Máy điện tim	Máy	5
7.	Máy soi cổ tử cung	Máy	2
8.	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	1



**Phụ lục XXII**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ**  
**CHUYÊN DÙNG ĐẶC THÙ THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ**  
**TẠI TRUNG TÂM PHÁP Y**

*(Kèm theo Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND  
ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

<b>STT</b>	<b>CHỦNG LOẠI</b>	<b>ĐVT</b>	<b>SỐ LƯỢNG TỐI ĐA</b>
1.	Hệ thống X - quang		
	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	1
2.	Siêu âm		
	Máy siêu âm tổng quát	Máy	1
3.	Máy điện não	Máy	1

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 240/KH-UBND

*Đồng Nai, ngày 10 tháng 10 năm 2023*

## **KẾ HOẠCH**

**Thực hiện Chương trình Bình ổn giá, bình ổn thị trường  
một số mặt hàng thiết yếu năm 2023 - 2024, phục vụ tết Nguyên đán năm 2024  
và ứng phó với các tình huống thiên tai, dịch bệnh**

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 07/2018/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 28/2023/QĐ-UBND ngày 08/6/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành theo Quyết định số 07/2018/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai;

UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình bình ổn giá, bình ổn thị trường một số mặt hàng thiết yếu năm 2023 - 2024, phục vụ tết Nguyên đán năm 2024 và ứng phó với các tình huống thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh (gọi tắt là Chương trình) như sau:

### **I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU**

1. Đảm bảo cân đối cung - cầu hàng hóa, bình ổn thị trường và góp phần thực hiện công tác an sinh xã hội trong mùa mưa bão, dịch bệnh, những ngày lễ, những tháng cuối năm 2023, tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024, đáp ứng nhu cầu của người dân trên địa bàn về các mặt hàng thiết yếu.

2. Hàng hóa trong Chương trình là sản phẩm sản xuất trong nước, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, giá cả phù hợp, có nguồn cung dồi dào tham gia cân đối

cung - cầu và đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, kể cả trong trường hợp xảy ra biến động thị trường.

3. Tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh tham gia chương trình tiếp cận được nguồn vốn ưu đãi, có kế hoạch chuẩn bị nguồn hàng. Mở rộng thêm các nhóm hàng bình ổn thị trường gắn liền với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, từ đó góp phần hạn chế tốc độ tăng giá, kiềm chế lạm phát, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển.

4. Thúc đẩy phát triển mạng lưới và đa dạng hóa loại hình điểm bán nhằm đảm bảo hàng hóa bình ổn thị trường được phân phối đến người tiêu dùng một cách thuận lợi, nhanh chóng; chú trọng phát triển điểm bán tại các chợ truyền thống, khu công nghiệp, khu lưu trú công nhân, khu vực vùng sâu, vùng xa trên địa bàn tỉnh.

5. Tăng cường hợp tác giữa các tỉnh, thành phố trong các hoạt động đầu tư, kết nối giao thương, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường.

## II. CHƯƠNG TRÌNH BÌNH ỔN GIÁ, BÌNH ỔN THỊ TRƯỜNG MỘT SỐ MẶT HÀNG THIẾT YẾU NĂM 2023 - 2024

### 1. Danh mục mặt hàng và lượng hàng tham gia Chương trình

#### 1.1. Mặt hàng

Triển khai đối với 19 mặt hàng: Gạo, thịt heo, thịt gà, trứng gia cầm, thủy hải sản, rau củ quả, mì gói, muối ăn, đường, bột ngọt, bột nêm, dầu ăn, nước tương, nước mắm, nước uống đóng chai, khẩu trang kháng khuẩn, nước sát khuẩn, giấy vệ sinh, sách giáo khoa - vở học sinh.

#### 1.2. Lượng hàng

a) Kế hoạch được xây dựng trên cơ sở số dân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến thời điểm hiện tại khoảng 3,31 triệu người (khoảng 827.000 hộ). Thời gian dự trữ: 01 tháng. *(Chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm).*

b) Tổng nhu cầu tiêu dùng thiết yếu của tỉnh Đồng Nai trong 01 tháng khoảng 6.274 tỷ đồng. Hiện Đồng Nai có 6 trung tâm thương mại, 13 siêu thị (tăng 01 so với cùng kỳ), 289 cửa hàng tiện ích (tăng 36 so với cùng kỳ) (Bách Hóa Xanh: 139, Coop Food: 05, Winmart+: 83, Porkshop: 38, GS25: 17, Circle K: 04, Family Mart: 03), 137 chợ truyền thống và hơn 10.000 cửa hàng tạp hóa, đang cung cấp đầy đủ hàng hóa thiết yếu cho người dân trên địa bàn.

c) Công tác chuẩn bị của tỉnh:

- Đối với các địa phương có các xã xa trung tâm huyện cần bình giá, bình ổn thị trường tỉnh sẽ giao nguồn vốn về địa phương theo nhu cầu đăng ký của địa phương là **4,45 tỷ đồng** *(chi tiết tại Phụ lục 4 đính kèm)*. Ngoài ra vận động các đơn vị kinh doanh trên địa bàn tỉnh tham gia BOG nhưng không vay vốn.

- Đối với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh đã đảm bảo cung ứng nguồn cho địa phương.

- Đối với mặt hàng sách giáo khoa, vở học sinh: Để đảm bảo tất cả học sinh đều có bộ sách đến trường, tỉnh sẽ hỗ trợ doanh nghiệp tham gia bình ổn vay từ nguồn

ngân sách tỉnh **20 tỷ đồng** để bình ổn giá sách giáo khoa, vở học sinh niên học 2024 - 2025.

- Tỷ lệ dự trữ được tính như sau:

+ Mặt hàng gạo: Mặt hàng gạo thuộc chương trình bình ổn quốc gia, tỉnh chỉ can thiệp khi đột biến, phạm vi nhỏ nên tỷ lệ dự trữ ở mức 2,5% so với nhu cầu.

+ Mặt hàng thịt heo: Sản lượng thịt heo 06 tháng đầu năm 2023 bình quân 40.351 tấn/tháng, trong khi đó nhu cầu tiêu thụ của toàn tỉnh ước tính khoảng 4.469 tấn/tháng. Nhờ kiểm soát tốt dịch bệnh nên ngành chăn nuôi phát triển ổn định, tổng đàn heo 2,69 triệu con (tăng 6,28% so với cùng kỳ) đủ để cung cấp cho nhu cầu trong tỉnh và các tỉnh lân cận. Tuy nhiên vào dịp cận lễ, Tết lượng tiêu thụ thịt heo tăng rất cao do nhu cầu tiêu dùng và chế biến thực phẩm. Do đó, cần có nguồn dự trữ 10% tổng nhu cầu trong tỉnh nhằm đảm bảo nguồn cung cho thị trường, bình ổn giá khi có biến động.

+ Mặt hàng thịt gà: Là thực phẩm tiêu dùng hàng ngày của người dân và thay thế thịt heo khi cần thiết, tuy nhiên Đồng Nai có tổng đàn gà trên 25,5 triệu con (tăng 2,4% so với cùng kỳ) và vòng quay của gà nhanh (từ 35 đến 60 ngày 1 lứa gà), hiện đang cung cấp rất ổn định cho Đồng Nai và các tỉnh lân cận, do đó tỷ lệ dự trữ cần 5% so với nhu cầu.

+ Các mặt hàng khác như mì gói, thực phẩm chế biến đóng hộp (từ thịt heo, gà, bò, cá), trứng gia cầm, đường, dầu ăn, nước chấm, gia vị, rau củ quả, thủy hải sản, muối ăn, nước uống đóng chai, khẩu trang kháng khuẩn, nước sát khuẩn, giấy vệ sinh đang được các kênh truyền thông, hiện đại cung cấp đầy đủ các mặt hàng thiết yếu cho người dân, do đó tỷ lệ dự trữ ở mức 2,5 - 3% để có nguồn cung cấp nhanh cho các thị trường khi xảy ra tình trạng khan hiếm cục bộ.

*(Chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm).*

## **2. Đối tượng và điều kiện tham gia**

### **2.1. Đối tượng**

a) Đối tượng bình ổn giá vay vốn ngân sách: Đơn vị kinh doanh mặt hàng sách giáo khoa, vở học sinh được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt; Các doanh nghiệp, hộ kinh doanh và hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực thương mại có kinh doanh các mặt hàng bình ổn giá.

b) Đối tượng được đề nghị cam kết tham gia bình ổn thị trường của tỉnh khi xảy ra tình trạng khan hiếm hàng hóa, tăng giá cục bộ vào các dịp lễ, Tết, thiên tai, dịch bệnh...: Các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh; các trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện ích hiện đang kinh doanh các mặt hàng thuộc chương trình bình ổn giá, các điểm bán hàng Việt (ngoài mặt hàng sách giáo khoa và vở học sinh).

### **2.2. Điều kiện tham gia**

#### **a) Đối với các đơn vị bình ổn giá được vay vốn ngân sách**

- Được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Có chức năng sản xuất, kinh doanh cung ứng bán buôn và bán lẻ hàng hóa phù hợp với các mặt hàng thuộc Chương trình bình ổn; có uy tín, năng lực; đáp ứng lượng

hàng hóa cung ứng cho thị trường với số lượng lớn và xuyên suốt trong thời gian thực hiện chương trình;

- Cam kết tổ chức phân phối hàng hóa phù hợp với chủng loại, số lượng theo kế hoạch đã được thẩm định, đáp ứng các tiêu chuẩn về chất lượng, an toàn thực phẩm, nguồn gốc xuất xứ và nhãn mác sản phẩm;

- Có năng lực tài chính;

- Có ít nhất 01 điểm bán bình ổn giá;

- Ưu tiên xét chọn những đơn vị đã tham gia tích cực và chấp hành tốt các quy định của chương trình trong những năm trước; các đơn vị sản xuất, kinh doanh có kinh nghiệm, năng lực tổ chức sản xuất kinh doanh, thực hiện tốt chính sách pháp luật về thuế và có hệ thống phân phối.

**b) Đối với các đơn vị cam kết tham gia bình ổn thị trường một số mặt hàng thiết yếu được hỗ trợ kinh phí phát sinh trong quá trình vận chuyển hàng hóa đến nơi thiếu hàng:**

+ Có chức năng sản xuất, kinh doanh cung ứng bán buôn và bán lẻ hàng hóa phù hợp với các mặt hàng thuộc chương trình bình ổn; có uy tín, năng lực; đáp ứng lượng hàng hóa cung ứng cho thị trường với số lượng lớn và xuyên suốt trong thời gian thực hiện chương trình;

+ Cam kết tham gia chương bình ổn và cung ứng kịp thời hàng hóa khi xảy ra tình trạng khan hiếm, tăng giá hàng hóa cục bộ vào các dịp lễ, Tết, thiên tai, dịch bệnh...

### **3. Quyền lợi và nghĩa vụ của thương nhân tham gia Chương trình**

#### **3.1. Quyền lợi**

##### **a) Đối với các đơn vị bình ổn giá được vay vốn ngân sách**

- Được vay vốn từ ngân sách để tổ chức dự trữ hàng hóa theo kế hoạch đã được thẩm định (áp dụng với một số đối tượng cụ thể); được thanh toán các khoản chi phí liên quan đến việc vận chuyển, cung ứng, phân phối hàng hóa khi tham gia cùng địa phương thực hiện nhiệm vụ bình ổn thị trường.

- Được ưu tiên hỗ trợ các chính sách đầu tư phát triển hệ thống, được hỗ trợ truyền thông, quảng bá đối với hàng hóa bình ổn thị trường, điểm bán bình ổn thị trường khi tham gia chương trình.

- Được ưu tiên giới thiệu cung ứng hàng hóa bình ổn thị trường vào mạng lưới điểm bán hiện hữu của chương trình và được kết nối để cung ứng hàng hóa bình ổn thị trường đến những nơi có nhu cầu.

- Được sử dụng biểu trưng (logo), băng rôn Chương trình Bình ổn thị trường Đồng Nai theo hướng dẫn của Sở Công Thương.

- Được tạo điều kiện tham gia các hoạt động hỗ trợ tiêu thụ nông sản tại Đồng Nai và các tỉnh, thành phố và tiến tới xuất khẩu. Được hỗ trợ cung cấp thông tin về các điều kiện đưa sản phẩm của cơ sở sản xuất vào các kênh phân phối, tư vấn về thiết kế mẫu mã, bao gói sản phẩm để phát, nâng cao giá trị sản phẩm... Thường

xuyên thông tin tới các doanh nghiệp phân phối, siêu thị, các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu có uy tín danh sách chi tiết sản phẩm của tỉnh để các bên nghiên cứu, ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm lâu dài.

- Được tạo điều kiện tham gia chương trình đưa hàng về nông thôn, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Được ưu tiên giới thiệu đưa hàng hóa thực hiện chương trình vào bếp ăn tập thể trong trường học, bệnh viện, các điểm bán hàng thực phẩm an toàn của các huyện, thành phố.

- Được tỉnh tạo điều kiện cấp phép cho xe chở hàng hóa phục vụ công tác cân đối cung cầu vận chuyển hàng hóa đến mạng lưới phân phối đi vào nội thành và các tuyến đường hạn chế phương tiện trong giờ cao điểm đối với các doanh nghiệp trong thời gian tham gia chương trình (trong tình huống khẩn cấp, cần thiết).

### **b) Đối với các đơn vị cam kết tham gia bình ổn thị trường một số mặt hàng thiết yếu**

- Được thanh toán các khoản chi phí liên quan đến việc vận chuyển, cung ứng, phân phối hàng hóa khi tham gia cùng địa phương thực hiện nhiệm vụ bình ổn thị trường.

- Được ưu tiên hỗ trợ các chính sách đầu tư phát triển hệ thống, được hỗ trợ truyền thông, quảng bá đối với hàng hóa bình ổn thị trường, điểm bán bình ổn thị trường khi tham gia chương trình.

- Được ưu tiên giới thiệu cung ứng hàng hóa bình ổn thị trường vào mạng lưới điểm bán hiện hữu của chương trình và được kết nối để cung ứng hàng hóa bình ổn thị trường đến những nơi có nhu cầu.

- Được sử dụng biểu trưng (logo), băng rôn Chương trình Bình ổn thị trường Đồng Nai theo hướng dẫn của Sở Công Thương.

- Được tạo điều kiện tham gia các hoạt động hỗ trợ tiêu thụ nông sản tại Đồng Nai và các tỉnh, thành phố và tiến tới xuất khẩu. Được hỗ trợ cung cấp thông tin về các điều kiện đưa sản phẩm của cơ sở sản xuất vào các kênh phân phối, tư vấn về thiết kế mẫu mã, bao gói sản phẩm để phát, nâng cao giá trị sản phẩm... Thường xuyên thông tin tới các doanh nghiệp phân phối, siêu thị, các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu có uy tín danh sách chi tiết sản phẩm của tỉnh để các bên nghiên cứu, ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm lâu dài.

- Được tạo điều kiện tham gia chương trình đưa hàng về nông thôn, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Được ưu tiên giới thiệu đưa hàng hóa thực hiện chương trình vào bếp ăn tập thể trong trường học, bệnh viện, các điểm bán hàng thực phẩm an toàn của các huyện, thành phố.

- Được tỉnh tạo điều kiện cấp phép cho xe chở hàng hóa phục vụ công tác cân đối cung cầu vận chuyển hàng hóa đến mạng lưới phân phối đi vào nội thành và các tuyến đường hạn chế phương tiện trong giờ cao điểm đối với các doanh nghiệp trong thời gian tham gia chương trình (trong tình huống khẩn cấp, cần thiết).

### **3.2. Nghĩa vụ**

#### **a) Đối với các đơn vị bình ổn giá được vay vốn ngân sách**

- Đăng ký và nộp hồ sơ tham gia chương trình về UBND huyện, thành phố.
- Tổ chức phân phối hàng hóa theo đúng kế hoạch tạo nguồn hàng và cung ứng hàng hóa đã được thẩm định; đảm bảo hàng hóa tham gia chương trình đạt chất lượng, an toàn thực phẩm; thực hiện niêm yết giá và bán đúng giá đã được Sở Tài chính thẩm định và phê duyệt.
- Phát triển hệ thống phân phối và tăng số điểm bán hàng bình ổn thị trường; trọng tâm phát triển điểm bán tại các chợ truyền thống, khu công nghiệp, khu lưu trú công nhân, khu vực vùng sâu, vùng xa trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh cung ứng hàng hóa bình ổn thị trường đến các bếp ăn tập thể.
- Thông tin công khai địa chỉ các điểm bán; treo băng rôn, bảng hiệu, niêm yết bảng giá; trưng bày hàng hóa tại các vị trí thuận tiện, riêng biệt để người tiêu dùng dễ nhìn, dễ nhận biết và mua sắm.
- Sử dụng vốn vay đúng mục đích, hoàn trả vốn, trả phí đúng quy định theo hợp đồng đã ký với Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai hoặc Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai.
- Thực hiện đúng các cam kết của đơn vị, các quy định của chương trình.

#### **b) Đối với các đơn vị cam kết tham gia bình ổn thị trường một số mặt hàng thiết yếu**

- Có văn bản cam kết tham gia chương trình bình ổn của tỉnh, gửi về UBND cấp huyện (thông qua Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng) hoặc gửi trực tiếp về Sở Công Thương.
- Tổ chức phân phối hàng hóa theo đúng kế hoạch tạo nguồn hàng và cung ứng hàng hóa đã được thẩm định; đảm bảo hàng hóa tham gia chương trình đạt chất lượng, an toàn thực phẩm; thực hiện niêm yết giá bán.
- Phát triển hệ thống phân phối và tăng số điểm bán hàng bình ổn thị trường; trọng tâm phát triển điểm bán tại các chợ truyền thống, khu công nghiệp, khu lưu trú công nhân, khu vực vùng sâu, vùng xa trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh cung ứng hàng hóa bình ổn thị trường đến các bếp ăn tập thể.
- Thông tin công khai địa chỉ các điểm bán; treo băng rôn, bảng hiệu, niêm yết bảng giá; trưng bày hàng hóa tại các vị trí thuận tiện, riêng biệt để người tiêu dùng dễ nhìn, dễ nhận biết và mua sắm.
- Thực hiện đúng các cam kết của đơn vị, các quy định của chương trình.

### **4. Cơ chế thực hiện Chương trình**

**4.1. Thời gian:** Thời gian thực hiện chương trình bán hàng bình ổn: Bắt đầu từ ngày ban hành Kế hoạch này đến hết ngày 30/9/2024. Đối với mặt hàng sách giáo khoa, vở học sinh, thời gian thực hiện từ ngày 01/5/2024 đến 30/11/2024.

## 4.2. Nguồn vốn và cơ chế thực hiện

### a) Nguồn vốn

- Mặt hàng thiết yếu: Cấp **4.450.000.000 đồng** (*Bốn tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng*) cho UBND các huyện, thành phố (từ nhu cầu địa phương) để thẩm định cho các đơn vị tham gia vay vốn (*chi tiết tại phụ lục 4 đính kèm*).

- Cấp **90.000.000 đồng** (*Chín mươi triệu đồng*) từ nguồn ngân sách tỉnh vào nguồn chi không thường xuyên về Sở Công Thương để in băng rôn chương trình bình ổn giá và phát cho các địa phương theo điểm bán.

- Cấp **20 tỷ đồng** từ nguồn vốn ngân sách cho đơn vị tham gia bình ổn giá sách do Sở Giáo dục và Đào tạo giới thiệu, vay với lãi suất 0%. Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra và chịu trách nhiệm về năng lực của công ty do đơn vị giới thiệu. Quy trình thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo có văn bản giới thiệu kèm theo kế hoạch thực hiện chương trình của công ty tham gia chương trình bình ổn giá và gửi về Chủ tịch UBND tỉnh, đồng thời gửi Sở Công Thương để thẩm định và có văn bản tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh chấp thuận.

### b) Cơ chế thực hiện

Các đơn vị đủ điều kiện tham gia nộp hồ sơ về UBND cấp huyện; UBND cấp huyện tổ chức đoàn thẩm tra, thành phần bao gồm: Văn phòng UBND cấp huyện, Phòng Kinh tế/Kinh tế - Hạ tầng, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Liên minh Hợp tác xã/Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai và các phòng, ban có liên quan; Sau khi thẩm định đạt yêu cầu UBND cấp huyện có văn bản chấp thuận cho các đơn vị tham gia bình ổn vay vốn. Các đơn vị được vay vốn sẽ thực hiện vay vốn qua các kênh: Các doanh nghiệp và hộ kinh doanh vay qua Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai; hợp tác xã vay vốn qua Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai và trả phí với mức 0,2%/tháng.

- Các đơn vị tham gia chương trình bình ổn thuộc đối tượng được vay vốn từ ngân sách với lãi suất bằng không, trả phí cho Quỹ với mức phí vay 0,2%/tháng, trong đó: Các doanh nghiệp, hộ kinh doanh vay qua Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai; hợp tác xã vay vốn qua Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai.

- Các đơn vị cam kết tham gia bình ổn: Được thanh toán các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc vận chuyển, cung ứng, phân phối hàng hóa đến các vùng, địa phương thiếu hàng, theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh.

## 5. Giá bán bình ổn giá

a) Các đơn vị tham gia chương trình bình ổn giá đăng ký giá bán bình ổn với Sở Tài chính theo nguyên tắc bù đắp được giá mua, chi phí lưu thông, có lãi và phải thấp hơn giá thị trường của sản phẩm cùng quy cách, chủng loại, chất lượng tại thời điểm đăng ký giá ít nhất từ 5% trở lên. Riêng đối với các mặt hàng thịt heo, gà và trứng gia cầm, giá bán phải phù hợp với giá sản xuất (tức là phải mua với giá có lợi nhuận cho người nông dân và bán với giá hợp lý cho người tiêu dùng), giảm tình trạng chênh lệch giữa giá sản xuất và tiêu dùng.

b) Trường hợp thị trường biến động tăng hoặc giảm giá đối với sản phẩm cùng quy cách, chủng loại, chất lượng, đơn vị được điều chỉnh tăng giá bán sau khi Sở Tài



chính thẩm định, chấp thuận bằng văn bản hoặc đơn vị chủ động điều chỉnh giảm giá bán tương ứng đồng thời gửi thông báo về Sở Tài chính, đảm bảo giá bán bình ổn có tính hợp lý, góp phần thực hiện tốt mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội. Trường hợp thị trường biến động do có hiện tượng nâng giá gây khan hiếm giả tạo, doanh nghiệp tham gia Chương trình phải chấp hành việc cung ứng lượng hàng hóa có khả năng điều tiết thị trường theo sự điều phối của chương trình bình ổn.

## **6. Phát triển mạng lưới**

Khuyến khích đơn vị tham gia Chương trình đầu tư phát triển các loại hình phân phối hiện đại như siêu thị, cửa hàng tiện lợi... xúc tiến tiêu thụ hàng hóa bình ổn thị trường; chú trọng phát triển điểm bán tại các chợ truyền thống, khu công nghiệp, khu lưu trú công nhân, khu vực vùng sâu, vùng xa trên địa bàn tỉnh; tích cực tổ chức thực hiện các chuyến bán hàng lưu động và đẩy mạnh cung ứng hàng hóa bình ổn thị trường đến vùng sâu, vùng xa, các bếp ăn tập thể; chủ động tổ chức thực hiện các chương trình khuyến mại nhằm đẩy mạnh phân phối, xúc tiến tiêu thụ hàng hóa bình ổn thị trường.

## **7. Về công khai thông tin tại nơi bán**

Tất cả các điểm bán hàng bình ổn giá, điểm bình ổn hàng hóa thiết yếu phải treo bảng rôn và dán biểu trưng của chương trình theo hướng dẫn của Sở Công Thương. Trong các quầy, kệ mà có mặt hàng tương tự, cùng loại nhưng không nằm trong danh sách bình ổn thì những mặt hàng bình ổn phải được ghi rõ là mặt hàng bình ổn giá để người mua và cơ quan quản lý nhà nước biết, kiểm tra. Phải niêm yết giá mặt hàng bình ổn rõ ràng, dễ thấy, dễ đọc. Khi không tham gia nữa phải xóa, bỏ ngay các thông tin này.

## **8. Về chế độ báo cáo**

a) Tất cả các đơn vị tham gia bình ổn giá phải báo cáo tình hình, kết quả thực hiện mỗi tháng 01 lần, trước 15 giờ ngày 03 hàng tháng (nếu ngày báo cáo rơi vào thứ Bảy, Chủ nhật, lễ thì báo cáo vào ngày làm việc liền kề) về phòng Kinh tế/Kinh tế hạ tầng UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

b) Địa phương tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện chương trình bình ổn giá trên địa bàn về Sở Công Thương trước 15 giờ ngày 05 hàng tháng để Sở Công Thương tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

c) Khi có biến động về giá, hàng hóa các đơn vị tham gia chương trình báo cáo nhanh về UBND cấp huyện, đồng thời báo cáo Sở Công Thương bằng điện thoại, fax hoặc email, báo cáo bằng giấy gửi sau.

## **III. PHỤC VỤ TẾT NGUYÊN ĐÁN NĂM 2024**

### **1. Nhu cầu tiêu dùng một số mặt hàng thiết yếu trong dịp Tết**

#### **1.1. Về nhu cầu**

Kế hoạch được xây dựng trên cơ sở số dân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến thời điểm hiện tại khoảng 3,31 triệu người (khoảng 827.000 hộ). Dự báo nhu cầu tiêu dùng một số mặt hàng thiết yếu trong những ngày trước trong và sau Tết khoảng 21.470 tỷ đồng (*chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo*).

## **1.2. Dự báo tình hình và khả năng cung cấp hàng hóa**

a) Từ 03 năm trở lại đây, mỗi năm lượng hàng hóa dự trữ của các đơn vị sản xuất trong tỉnh tăng từ 5 - 15%, ngoài ra, mức sống của người dân hiện nay đang dần được nâng cao, thói quen dự trữ nhiều hàng hóa cho ngày Tết của bà con đã giảm, nên tình trạng đầu cơ, găm hàng để tăng giá sẽ ít xảy ra.

b) Dự báo sức mua trong dịp Tết năm nay sẽ tăng khoảng 5% so với Tết năm trước và tăng 20 - 25% so với ngày thường (tăng từ ngày 23/12 đến ngày 30/12 âm lịch). Năm nay tết Nguyên đán cách tết Dương lịch 40 ngày, các đơn vị sản xuất hàng hóa phục vụ Tết có nhiều thời gian để chuẩn bị nên lượng hàng sẽ được đảm bảo về số lượng và chất lượng sản phẩm.

## **2. Phương thức đảm bảo cung ứng hàng hóa dịp tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024 và thời gian thực hiện**

### **2.1. Phương thức đảm bảo cung ứng hàng hóa**

a) Sở Công Thương theo dõi sát diễn biến thị trường, cung cầu hàng hóa nhất là các mặt hàng thiết yếu trên địa bàn, làm việc với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, các siêu thị trung tâm thương mại, đề nghị các đơn vị báo cáo về lượng hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong dịp Tết và cam kết dự trữ để chủ động phương án bổ sung khi xảy ra tình trạng khan hiếm hàng hóa hoặc tăng giá cục bộ. Đề xuất với Chủ tịch UBND tỉnh, những biện pháp ứng phó kịp thời nhằm ổn định thị trường khi cần thiết; phối hợp và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại thị trường nội địa, tăng cường các hoạt động khuyến mại, giảm giá; khuyến khích doanh nghiệp chủ động kế hoạch dự trữ hàng hóa góp phần bình ổn thị trường kết hợp hưởng ứng cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

b) UBND các huyện, thành phố tạo điều kiện và hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh tổ chức tốt công tác dự trữ hàng hóa, chỉ đạo các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, chợ trên địa bàn cần chủ động nghiên cứu thị trường, xây dựng kế hoạch sản xuất, dự trữ hàng hóa, nguyên liệu hợp lý để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, bảo đảm lượng hàng hóa cung ứng cho thị trường chất lượng và giá cả hợp lý.

c) Các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh; các trung tâm thương mại, siêu thị sử dụng vốn của đơn vị và các nguồn vốn hợp pháp khác để tham gia bình ổn thị trường một số mặt hàng thiết yếu, dự trữ hàng phục vụ tết Nguyên đán 2024, tổ chức cung ứng hàng hóa cho thị trường Tết thông qua hệ thống đại lý. Trong đó, các đơn vị đã cam kết tham gia bình ổn giá năm 2023 - 2024, cung ứng, phân phối hàng hóa bình ổn thị trường trong dịp Tết được ngân sách tỉnh thanh toán các khoản chi phí tăng thêm khi vận chuyển cung ứng hàng hóa đến nơi thiếu hàng theo sự điều động của Sở Công Thương.

d) Các đơn vị đã được vay vốn ngân sách tham gia chương trình bình ổn giá, tổ chức dự trữ hàng hóa theo kế hoạch bình ổn giá đã được thẩm định, đồng thời, các hợp tác xã căn cứ khả năng của đơn vị xây dựng kế hoạch bán hàng lưu động phục vụ người dân vùng sâu, vùng xa cũng được ngân sách tỉnh hỗ trợ chi phí vận chuyển, nhân công và bao bì. Các hợp tác xã không tham gia chương trình bình ổn giá, chủ

động xây dựng kế hoạch phục vụ Tết và tổ chức dự trữ hàng hóa theo kế hoạch từ nguồn vốn của đơn vị.

## **2.2. Điều kiện tham gia chương trình bán hàng lưu động phục vụ vùng sâu, vùng xa và nguồn hỗ trợ thực hiện**

a) **Về điều kiện:** Các hợp tác xã bán hàng lưu động phải kinh doanh các mặt hàng phù hợp với danh mục 19 nhóm/mặt hàng (gạo, thịt heo, thịt gà, trứng gia cầm, thủy hải sản, rau củ quả, mì gói, thực phẩm chế biến đóng hộp, muối ăn, đường, gia vị (bột ngọt - bột nêm), dầu ăn, nước chấm (nước mắm, nước tương), nước đóng chai, khẩu trang vải kháng khuẩn, nước sát khuẩn, giấy vệ sinh, bánh kẹo.

b) **Về thủ tục:** Các hợp tác xã có khả năng bán hàng lưu động phục vụ người dân vùng sâu, vùng xa gửi kế hoạch về UBND cấp huyện thẩm định số chuyến bán hàng, mức kinh phí hỗ trợ trên cơ sở năng lực và số chuyến đã đăng ký của các đơn vị tham gia.

### **c) Về nguồn vốn**

- Các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh; các trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện ích sử dụng vốn của đơn vị và các nguồn vốn hợp pháp khác để dự trữ hàng phục vụ tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024. Khi xảy ra tình trạng thiếu hàng, tăng giá cục bộ ở một số địa phương, Sở Công Thương có văn bản điều động hàng hóa, doanh nghiệp sẽ được hỗ trợ về kinh phí phát sinh trong vận chuyển.

- Cấp vốn hỗ trợ bán hàng lưu động: **Cấp 374.750.000 đồng** (Ba trăm bảy mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) từ nguồn ngân sách tỉnh vào nguồn chi không thường xuyên về cho UBND cấp huyện (theo số chuyến đã đăng ký của địa phương) để chi phí hỗ trợ các chuyến bán hàng lưu động tại các xã vùng sâu, vùng xa trong dịp tết Nguyên đán năm 2024 của các hợp tác xã như: Chi phí vận chuyển, nhân công và bao bì.

## **2.3. Các phiên chợ hàng Việt phục vụ nông thôn, công nhân**

Sở Công Thương thực hiện theo chương trình xúc tiến thương mại, triển khai chương trình phiên chợ hàng Việt về nông thôn và chuyến hàng Việt về nhà máy và khu công nghiệp và 02 phiên chợ công nhân (theo chương trình xúc tiến thương mại năm 2023 - 2024).

## **2.4. Thời gian thực hiện**

a) Đề nghị các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh các mặt hàng thiết yếu, các trung tâm thương mại, siêu thị và cửa hàng tiện ích căn cứ nhu cầu tiêu dùng trong dịp Tết, xây dựng kế hoạch dự trữ hàng hóa phục vụ Tết và báo cáo Sở Công Thương **trước ngày 15/11/2023**.

b) Thời gian bán hàng lưu động phục vụ tết được hỗ trợ kinh phí là 02 tháng trước tết Nguyên đán (tháng 11 và tháng 12 âm lịch), các hợp tác xã trình kế hoạch bán hàng lưu động về UBND cấp huyện trước **ngày 22/11/2023**.

## **2.5. Chế độ báo cáo**

a) Đề nghị các sở, ngành, địa phương căn cứ nhiệm vụ được giao định kỳ báo cáo công tác phục vụ Tết gửi về Sở Công Thương (theo quy định của Bộ Công

Thương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh về báo cáo tình hình phục vụ tết Nguyên đán năm 2023).

b) Báo cáo đột xuất về tình hình giá cả, cung - cầu hàng hóa khi có biến động đột xuất trên thị trường và khi có yêu cầu của UBND tỉnh và Sở Công Thương.

#### **IV. CHƯƠNG TRÌNH BÌNH ỔN THỊ TRƯỜNG ỨNG PHÓ CÁC TÌNH HUỐNG THIÊN TAI, DỊCH BỆNH**

Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 17/3/2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình phòng, chống dịch Covid-19; Chương trình số 05/CT-UBND ngày 12/5/2022 về phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Căn cứ Chỉ thị số 07/CT-BCT ngày 15/8/2023 của Bộ Công Thương về tăng cường công tác thông tin thị trường, xúc tiến thương mại, phát triển thị trường xuất khẩu gạo và bình ổn thị trường trong nước trong giai đoạn hiện nay; Căn cứ Công văn số 8185/UBND-KTNS ngày 11/8/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai về triển khai Công văn số 5102/BCT-TTTN ngày 03/8/2023 của Bộ Công Thương; Căn cứ chỉ đạo của các cơ quan cấp trên đối với công tác dự trữ, bình ổn giá các mặt hàng thiết yếu trong tình huống thiên tai, dịch bệnh:

##### **1. Danh mục mặt hàng và lượng hàng tham gia Chương trình**

###### **1.1. Mặt hàng**

Triển khai đối với 18 mặt hàng: Gạo, thịt heo, thịt gà, trứng gia cầm, thủy hải sản, rau củ quả, mì gói, muối ăn, đường, bột ngọt, bột nêm, dầu ăn, nước tương, nước mắm, nước uống đóng chai, khẩu trang kháng khuẩn, nước sát khuẩn, giấy vệ sinh.

###### **1.2. Lượng hàng**

a) Kế hoạch được xây dựng trên cơ sở số dân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến thời điểm hiện tại khoảng 3,31 triệu người (khoảng 827.000 hộ). Dự trù nguồn ngân sách hỗ trợ vốn bình ổn giá các mặt hàng thiết yếu trong tình huống thiên tai, dịch bệnh, thiếu hụt nguồn cung cục bộ một số mặt hàng thiết yếu trên địa bàn tỉnh, tính cho nhu cầu 30% dân số tỉnh cần hỗ trợ từ 02 tuần - 01 tháng.

b) Tổng nhu cầu bình ổn giá hàng tiêu dùng thiết yếu của tỉnh Đồng Nai trong 02 tuần khoảng 941 tỷ đồng, trong 01 tháng khoảng 1.882 tỷ đồng (*chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo*).

##### **2. Đối tượng**

a) Đối tượng được phân bổ: UBND các huyện, thành phố - trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh bùng phát, hoặc một số nguyên nhân khác gây mất cân đối cung cầu, thiếu hụt nguồn cung hàng hóa thiết yếu tại địa phương.

b) Đối tượng phối hợp: Các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh; các trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện ích hiện đang kinh doanh các mặt hàng thuộc chương trình bình ổn giá, chương trình bình ổn thị trường một số mặt hàng thiết yếu đã cam kết tham gia bình ổn thị trường của tỉnh khi xảy ra tình trạng khan hiếm hàng hóa, tăng giá cục bộ vào các dịp lễ, Tết, thiên tai, dịch bệnh...; các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trong và ngoài tỉnh có khả năng cung ứng hàng hóa trong tình huống các doanh nghiệp trong tỉnh không đủ nguồn hàng cung ứng.

### **3. Nghĩa vụ của UBND các huyện, thành phố**

a) Có văn bản đăng ký về khối lượng, chủng loại các mặt hàng thiết yếu cần hỗ trợ; cam kết chịu trách nhiệm tiếp nhận, phân phối nguồn hàng và thu hồi tiền chuyển trả Sở Công Thương trong vòng 05 ngày để Sở Công Thương hoàn trả ngân sách.

b) Tổ chức phân phối hàng hóa theo đúng nhu cầu, đúng đối tượng.

c) Thông tin công khai địa chỉ các điểm bán; treo băng rôn, bảng hiệu, niêm yết bảng giá; trưng bày hàng hóa tại các vị trí thuận tiện, riêng biệt để người tiêu dùng dễ nhìn, dễ nhận biết và mua sắm; thực hiện nghiêm các quy định phòng chống dịch và quy định khác liên quan.

### **4. Nguồn vốn và cơ chế thực hiện Chương trình**

#### **a) Nguồn vốn tạm ứng ngân sách nhà nước**

Mặt hàng thiết yếu: Tạm ứng 1.847 tỷ đồng từ nguồn ngân sách nhà nước tỉnh cho Sở Công Thương để hỗ trợ bình ổn giá các mặt hàng thiết yếu trong tình huống thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, thiếu hụt nguồn cung cục bộ trong thời gian 01 tháng.

#### **b) Cơ chế thực hiện**

- Trên cơ sở nhu cầu đăng ký về khối lượng, chủng loại các mặt hàng thiết yếu cần hỗ trợ từ UBND các huyện, thành phố, Sở Công Thương sẽ thực hiện tạm ứng ngân sách nhà nước tỉnh, hợp đồng mua hàng từ các nhà cung cấp, chuyển hàng về địa phương, UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm tiếp nhận nguồn hàng và thu hồi tiền chuyển trả Sở Công Thương (trong vòng 05 ngày làm việc) để Sở Công Thương hoàn trả ngân sách.

- Các đơn vị cam kết tham gia bình ổn: Được thanh toán các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc vận chuyển, cung ứng, phân phối hàng hóa đến các vùng, địa phương thiếu hàng, theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh.

### **5. Về chế độ báo cáo**

a) UBND các huyện, thành phố báo cáo kết quả tiếp nhận, phân bổ nguồn hàng, kết quả thu hồi vốn, hoàn trả kinh phí cho Sở Công Thương trong vòng 05 ngày làm việc tính từ thời điểm tiếp nhận hàng hoá.

b) Sở Công Thương tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện, tiến độ giải ngân gửi Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Tài chính trong vòng 15 ngày làm việc từ thời điểm tạm ứng ngân sách tỉnh.

**6. Phương án đảm bảo cung ứng lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm trong các tình huống thiên tai, dịch bệnh, đặc biệt đảm bảo cung ứng trực tiếp đến người dân trong khu cách ly, khu phong tỏa trên địa bàn tỉnh:** Trong bối cảnh thiên tai, dịch bệnh phức tạp, nhằm đảm bảo an toàn nhất cho người dân, thực hiện tốt nhất các biện pháp kiểm soát, tình hình cung ứng, phân phối hàng hóa cho người dân sẽ được thực hiện thông qua các phương thức phù hợp, đảm bảo mọi người dân đều được tiếp cận, cung ứng kịp thời hàng hóa, lương thực thực phẩm thiết yếu cho sinh hoạt hàng ngày của mỗi hộ dân trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

a) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp UBND các huyện, thành phố rà soát tình hình cung ứng hàng hóa, lương thực thực phẩm thiết yếu cho người dân (thống kê cụ thể, cập nhật lại hệ thống các điểm bán của hệ thống các chợ, siêu thị, cửa hàng tiện lợi trên địa bàn, đánh giá khả năng cung ứng hàng hóa cho người dân, nhu cầu hàng hóa cần hỗ trợ). Trên cơ sở đề xuất của UBND các huyện, thành phố, kịp thời hỗ trợ các địa phương tiếp cận nguồn cung hàng hóa, hướng dẫn các giải pháp phân phối hàng hóa cho người dân phù hợp, khả thi; tổ chức điều phối các kênh hỗ trợ phân phối hàng hóa (các chuyến xe bán hàng lưu động, các điểm bán hàng Bình ổn giá...); hỗ trợ địa phương phân phối hàng hóa kịp thời đến người dân; trong trường hợp cần thiết, cấp bách, tạm ứng ngân sách hỗ trợ bình ổn giá các mặt hàng thiết yếu trong tình huống thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp.

b) Việc cung ứng, phân phối hàng hóa cho người dân thông qua các hình thức mua hàng trực tuyến, phát phiếu mua hàng theo giờ cố định...; trong trường hợp phải áp dụng phương thức “đi chợ hộ”, sẽ do Tổ hậu cần địa phương, các lực lượng tình nguyện tại địa phương (Mặt trận Tổ quốc, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Tổ dân phố...) các lực lượng công an, quân đội đang được tăng cường tại địa phương cùng tham gia hỗ trợ thực hiện với tần suất 01 - 02 lần/tuần và tổ chức phân phối trực tiếp đến người dân (hộ dân trả tiền).

c) UBND các huyện, thành phố chủ động xây dựng kế hoạch tiếp nhận, dự trữ, cung ứng hàng hóa cho các khu vực cách ly, phong tỏa phù hợp theo từng cấp độ tại địa phương; Xây dựng phương án tổ chức một số điểm bán hàng lưu động, đảm bảo các yêu cầu phòng chống dịch và nhu cầu của người dân khi có yêu cầu cách ly tập trung hoặc phong tỏa. Trường hợp vượt quá khả năng của địa phương cần khẩn trương và kịp thời báo cáo với cấp trên và thông tin với Sở Công Thương để có kế hoạch làm việc với các đơn vị cung ứng, phân phối hàng hóa theo yêu cầu.

d) Các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh; các trung tâm thương mại, siêu thị sử dụng vốn của đơn vị và các nguồn vốn hợp pháp khác để dự trữ hàng phục vụ nhu cầu tiêu dùng của người dân. Trong đó, các đơn vị đã cam kết tham gia bình ổn giá, bình ổn thị trường một số mặt hàng thiết yếu, cung ứng, phân phối hàng hóa bình ổn thị trường trong dịp lễ, Tết, thiên tai, dịch bệnh... được ngân sách tỉnh thanh toán các khoản chi phí tăng thêm khi vận chuyển cung ứng hàng hóa đến nơi thiếu hàng theo sự điều động của Sở Công Thương.

e) Các đơn vị đã được vay vốn ngân sách tham gia chương trình bình ổn giá, tổ chức dự trữ hàng hóa theo kế hoạch bình ổn giá đã được thẩm định, đồng thời, các hợp tác xã căn cứ khả năng của đơn vị xây dựng kế hoạch bán hàng lưu động phục vụ người dân vùng sâu, vùng xa cũng được ngân sách tỉnh hỗ trợ chi phí vận chuyển, nhân công và bao bì. Các hợp tác xã không tham gia chương trình bình ổn giá, chủ động xây dựng kế hoạch phục vụ Tết và tổ chức dự trữ hàng hóa theo kế hoạch từ nguồn vốn của đơn vị.

## V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**1. Sở Công Thương:** Là cơ quan thường trực của chương trình. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài Chính, Liên minh HTX tỉnh, Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai và các địa phương, đơn vị liên quan triển khai thực hiện kế hoạch này, lập báo cáo định kỳ

hàng tháng, cuối đợt có báo cáo tổng kết đánh giá kết quả thực hiện, đồng thời tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện cho năm 2024 - 2025, cụ thể:

a) Chủ trì công tác nắm bắt thông tin thị trường, tổ chức, điều phối hàng hóa của các doanh nghiệp khi thị trường có biến động theo chỉ đạo của Bộ Công Thương, UBND tỉnh.

b) Theo dõi sát diễn biến thị trường, cung cầu hàng hóa nhất là các mặt hàng thiết yếu trên địa bàn, làm việc với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, các siêu thị trung tâm thương mại, đề nghị các đơn vị báo cáo về lượng hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong thời điểm thiên tai, dịch bệnh để chủ động phương án bổ sung khi xảy ra tình trạng khan hiếm hàng hóa hoặc tăng giá cục bộ. Đề xuất với UBND tỉnh, những biện pháp ứng phó kịp thời nhằm ổn định thị trường khi cần thiết; khuyến khích doanh nghiệp chủ động kế hoạch dự trữ hàng hóa góp phần bình ổn thị trường kết hợp hưởng ứng cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

c) Chủ trì, chỉ đạo các đơn vị cung ứng hàng hoá trên địa bàn đảm bảo nguồn cung ứng, năng lực dự trữ, cung cấp đầy đủ hàng hoá, lương thực thực phẩm cho người dân; có phương án bổ sung nguồn hàng đầy đủ, kịp thời, không để xảy ra đứt gãy, gián đoạn nguồn cung hàng hoá.

d) Phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan xây dựng quy trình hướng dẫn địa phương triển khai thực hiện kế hoạch trong thâm định vay vốn, thâm định hỗ trợ chuyển hàng lưu động phục vụ Tết Nguyên đán, giải ngân và kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện quy định của chương trình đối với các đơn vị tham gia bình ổn. Thường trực đề tiếp nhận, xử lý các nội dung quy định tại kế hoạch. Kịp thời xử lý tình huống khan hiếm, biến động giá đột xuất tại các địa phương trong tỉnh, yêu cầu các đơn vị đưa hàng đến các điểm có biến động giá tăng đột biến.

e) Tham mưu UBND tỉnh hỗ trợ các chính sách, tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị cam kết tham gia bình ổn và phối hợp Sở Tài chính thanh toán chi phí bán hàng phát sinh khi các đơn vị thực hiện nhiệm vụ vận chuyển, cung ứng hàng đến điểm thiếu hụt, khan hiếm hàng hóa theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

g) Theo dõi diễn biến cung cầu đối với mặt hàng thịt heo, gà và trứng gia cầm. Làm việc với các doanh nghiệp chăn nuôi, giết mổ đề nghị cam kết đảm bảo hàng hóa cung cấp thị trường, sẵn sàng nguồn cung khi thị trường cần. Nếu xảy ra trường hợp thiếu hàng, tăng giá, Sở Công Thương kịp thời tham mưu UBND tỉnh phương án cung ứng hàng hóa, chính sách lấy từ nguồn dự phòng.

h) Chủ trì thực hiện việc in, cung cấp băng rôn, biểu trưng của chương trình đến UBND cấp huyện và các đơn vị tham gia chương trình bình ổn, thường xuyên kiểm tra việc thực hiện treo băng rôn, dán biểu trưng, phối hợp UBND các huyện, thành phố để thay mới những băng rôn, biểu hiệu cũ đã xuống cấp.

i) Chủ trì, phối hợp Công an tỉnh, Sở Giao thông vận tải hướng dẫn, cấp giấy phép/băng rôn/Logo cho các phương tiện tham gia Chương trình được lưu thông vào nội thành và đường hạn chế phương tiện 24/24h, tạo điều kiện để xe của doanh nghiệp tham gia Chương trình được lưu thông vận chuyển, phân phối hàng hóa thiết yếu đến các siêu thị, mạng lưới bán lẻ kịp thời trong trường hợp cần thiết, không cấp tràn lan, đảm bảo đúng mặt hàng, đúng đối tượng và tuyến đường cho phép.

k) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch bình ổn giá của các đơn vị tham gia; hỗ trợ các đơn vị tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

l) Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, Ban Quản lý các Khu Công nghiệp và các doanh nghiệp tổ chức các đợt đưa hàng Việt về nông thôn và các điểm tập trung công nhân. Gắn các điểm bán hàng Việt vào điểm bình ổn giá.

m) Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan làm việc với các nhà cung ứng sản phẩm đáp ứng hài hòa nhu cầu tiêu dùng của người dân trên địa bàn tỉnh, thực hiện kết nối doanh nghiệp, đa dạng hóa các mặt hàng bình ổn giá.

n) Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan theo dõi sát diễn biến thị trường và tình hình cung - cầu hàng hóa, đặc biệt là hàng hóa tham gia chương trình, để kịp thời thực hiện biện pháp bình ổn thị trường theo thẩm quyền và tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện trong trường hợp vượt thẩm quyền. Chủ trì tổ chức các phiên chợ công nhân, các chuyến đưa hàng Việt về nông thôn... theo chương trình xúc tiến thương mại hàng năm đã được phê duyệt.

o) Phối hợp các cơ quan thông tin - truyền thông cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin về chương trình và tình hình cung - cầu hàng hóa thiết yếu, đặc biệt là hàng hóa tham gia Chương trình; quảng bá sản phẩm, thương hiệu và hoạt động của đơn vị tham gia chương trình; kịp thời đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thông tin - truyền thông cho Chương trình.

p) Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc cung ứng điện, có phương án dự phòng để đảm bảo đủ điện cho sản xuất, sinh hoạt của nhân dân trong dịp lễ, Tết.

q) Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hội Nông dân tỉnh cùng các sở, ngành, đơn vị liên quan rà soát, đánh giá khả năng cung ứng và tìm kiếm, trao đổi, ký kết Hợp đồng nguyên tắc/Biên bản ghi nhớ cùng doanh nghiệp sản xuất/kinh doanh lớn về mặt hàng gạo, kịp thời cung ứng cho thị trường trong tỉnh (trong trường hợp cần thiết).

r) Sở Công Thương thường xuyên phối hợp, trao đổi thông tin với Tổ công tác đặc biệt của Bộ Công Thương, phối hợp chặt chẽ với Sở Công Thương các tỉnh, thành phố để tăng cường kết nối, bổ sung nguồn hàng kịp thời cho tỉnh Đồng Nai.

## **2. Sở Tài chính**

a) Chủ trì, chịu trách nhiệm quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá đối với các mặt hàng bình ổn giá thuộc hoạt động điều tiết giá của cả nước theo quy định của pháp luật.

b) Chủ trì kiểm tra việc chấp hành quy định quản lý nhà nước về giá đối với các lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương trong việc chuyển nguồn cho địa phương thanh toán mức hỗ trợ đối với các đơn vị tham gia bán hàng lưu động phục vụ tết Nguyên đán (đối với các địa phương có đăng ký); ký hợp đồng một lần với Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai và Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai và giải ngân theo tiến độ thẩm định vay vốn cho các đơn vị; chỉ đạo Quỹ hỗ trợ



phát triển Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai và Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai phối hợp UBND cấp huyện thẩm định vay vốn của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh tham gia chương trình bình ổn giá có vay vốn; ký hợp đồng tạm ứng từ nguồn ngân sách tỉnh cho Sở Công Thương để thực hiện hỗ trợ bình ổn giá các mặt hàng thiết yếu trong tình huống thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp hoặc thiếu hụt nguồn cung cục bộ một số mặt hàng thiết yếu trên địa bàn tỉnh.

d) Phối hợp với Sở Công Thương thanh toán chi phí phát sinh cho các đơn vị sản xuất, kinh doanh, các trung tâm thương mại, siêu thị khi vận chuyển, cung ứng hàng hóa đến vùng khan hiếm theo chỉ đạo Chủ tịch UBND tỉnh và hỗ trợ thủ tục vay vốn đối với các cơ sở chăn nuôi, giết mổ thịt heo, gà, trứng gia cầm (nếu có).

e) Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan hướng dẫn tiêu chí thẩm định vay vốn và giải ngân đối với các đơn vị tham gia chương trình có nhu cầu vay vốn, nhằm hạn chế, đơn giản hóa thủ tục hành chính, hạn chế việc các hộ kinh doanh/hợp tác xã phải đi lại nhiều lần.

f) Hướng dẫn và tiếp nhận hồ sơ đăng ký giá của đơn vị tham gia Chương trình trên địa bàn; thẩm định giá đăng ký, phê duyệt và công bố giá bán bình ổn thị trường của các đơn vị (trong vòng từ 07 đến 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký giá); chịu trách nhiệm kiểm tra, điều chỉnh giá bán bình ổn thị trường theo đề nghị của các đơn vị, đảm bảo đúng quy định của chương trình (kể cả đơn vị đăng ký tham gia nhưng không có nhu cầu vay vốn).

g) Phối hợp các sở, ngành chức năng kiểm tra việc niêm yết giá và bán theo giá niêm yết của đơn vị tham gia chương trình; xử lý nghiêm theo quy định pháp luật đối với các trường hợp vi phạm; chịu trách nhiệm điều chỉnh giá khi thị trường biến động hoặc có văn bản đề nghị tăng, giảm giá của đơn vị, đảm bảo đúng quy định của Chương trình (thời hạn giải quyết trong vòng 07 đến 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị điều chỉnh giá của doanh nghiệp).

h) Theo dõi sát diễn biến giá cả thị trường; tổ chức kiểm tra trong các trường hợp biến động giá (nếu có); tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm tra và đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh biện pháp xử lý.

### **3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

a) Phối hợp với UBND các huyện, thành phố lựa chọn, giới thiệu các trang trại, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm, đầu mối cung ứng sản phẩm nông nghiệp (nông sản, thủy hải sản...) an toàn trên địa bàn tham gia hệ thống bán hàng bình ổn, thông tin đầu mối liên hệ về Sở Công Thương để tổ chức kết nối.

b) Chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan rà soát tình hình sản xuất lúa gạo tại địa phương, thường xuyên thông tin về sản lượng, chủng loại lúa, gạo hàng hóa và dự kiến năng suất, sản lượng thu hoạch trên địa bàn. Phối hợp Sở Công Thương cùng các sở, ngành, đơn vị liên quan rà soát, đánh giá khả năng cung ứng và tìm kiếm, trao đổi, ký kết Hợp đồng nguyên tắc/Biên bản ghi nhớ cùng doanh nghiệp sản xuất/kinh doanh lớn về mặt hàng gạo, kịp thời cung ứng cho thị trường trong tỉnh (trong trường hợp cần thiết).

c) Quy hoạch tổng thể ngành chăn nuôi, tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh, khuyến khích tăng lượng heo giống để đảm bảo tái đàn ổn định.

d) Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng chuyên canh tập trung, liên kết chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất nông nghiệp hữu cơ, tạo giá trị gia tăng cao; sản phẩm nông lâm thủy sản đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, phù hợp với nhu cầu thị trường.

e) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tích cực thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, hỗ trợ các địa phương thực hiện công tác kiểm soát giết mổ gia súc, gia cầm, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm đối với hàng thực phẩm đưa vào lưu thông.

g) Phối hợp chặt chẽ với UBND các huyện, thành phố tập trung chỉ đạo tốt sản xuất, lưu thông hàng hóa, nhất là lương thực, thực phẩm, rau xanh để có đủ hàng hóa, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân; có biện pháp phòng, chống, khống chế dịch bệnh gia súc, gia cầm một cách hiệu quả, tránh làm ảnh hưởng đến nguồn cung thực phẩm; đề xuất, thực hiện các biện pháp ngăn chặn dịch, bệnh xâm nhập, lây lan.

h) Hướng dẫn các doanh nghiệp, trang trại thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh, thực hiện tốt an toàn sinh học; tích cực sản xuất, cung ứng các mặt hàng thiết yếu nhất là lương thực, thực phẩm, rau, quả.

i) Phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương kiểm tra đôn đốc việc thực hiện chương trình bình ổn giá, ngăn chặn hành vi găm hàng, đầu cơ.

k) Theo dõi, đánh giá tình hình sản xuất, sản lượng lúa, gạo trên địa bàn tỉnh để cân đối nguồn lúa, gạo phục vụ nhu cầu tiêu dùng lúa, gạo trên địa bàn, đảm bảo an ninh lương thực trong mọi tình huống.

#### **4. Sở Thông tin và Truyền thông**

a) Phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo các cơ quan báo chí và hệ thống Đài truyền thanh các huyện, thành phố Biên hòa và thành phố Long Khánh tuyên truyền, phổ biến về Chương trình bình ổn giá một số mặt hàng thiết yếu năm 2023 - 2024, phục vụ tết Nguyên đán năm 2024 và ứng phó với các tình huống thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh để người dân, cộng đồng doanh nghiệp biết và tham gia Chương trình.

b) Phối hợp với Sở Công Thương cung cấp tài liệu cho các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh và Đài truyền thanh các huyện, thành phố, tổ chức tuyên truyền cho người dân biết thụ hưởng chương trình, đặc biệt là người dân tại các xã vùng sâu, vùng xa, vùng có đồng bào dân tộc ít người đang sinh sống.

#### **5. Công an tỉnh**

a) Phối hợp Sở Công Thương, Sở Giao thông vận tải hướng dẫn, cấp giấy phép lưu thông vào nội thành và đường hạn chế phương tiện 24/24h để xe của doanh nghiệp tham gia chương trình được lưu thông vận chuyển, phân phối hàng hóa thiết yếu đến các siêu thị, mạng lưới bán lẻ kịp thời (trong trường hợp cần thiết), đảm bảo đúng mặt hàng, đúng đối tượng và tuyến đường cho phép.

b) Phối hợp các lực lượng chức năng, chính quyền địa phương nắm tình hình, ngăn chặn, kiểm tra, triệt phá các ổ nhóm buôn lậu, buôn bán, sản xuất hàng giả, hàng nhái, kém chất lượng, đầu cơ găm hàng, nâng giá kiếm lợi bất chính, các hoạt động sản xuất kinh doanh vi phạm vệ sinh môi trường và vệ sinh an toàn thực phẩm.

c) Phối hợp các sở, ban, ngành tuyên truyền về kết quả đấu tranh phòng chống tội phạm và thủ đoạn hoạt động của các đối tượng để nâng cao nhận thức và vai trò trách nhiệm của cán bộ, công nhân viên, người dân trên địa bàn tỉnh trong phát hiện, cung cấp thông tin cho lực lượng chức năng kịp thời phòng chống hoạt động buôn lậu, buôn bán, sản xuất hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, đầu cơ găm hàng, nâng giá kiếm lợi bất chính, các hoạt động sản xuất kinh doanh vi phạm vệ sinh môi trường và vệ sinh an toàn thực phẩm.

d) Tạo điều kiện cho doanh nghiệp tham gia chương trình vận chuyển hàng hóa trong giờ cao điểm; khi có biến động hàng hóa, xảy ra thiên tai, dịch bệnh... triển khai các biện pháp đảm bảo an ninh trật tự để các doanh nghiệp lưu thông vận chuyển, phân phối hàng hóa đáp ứng kịp thời nhu cầu tiêu dùng của nhân dân.

## **6. Sở Giao thông vận tải**

a) Phối hợp Sở Công Thương, Công an tỉnh và UBND các địa phương hướng dẫn phương tiện của các cơ sở tham gia Chương trình bình ổn được lưu thông vào nội thành, nội thị và đường hạn chế phương tiện 24/24 để vận chuyển, phân phối hàng hóa thiết yếu đến các siêu thị, mạng lưới bán lẻ kịp thời trong trường hợp cần thiết, đảm bảo đúng mặt hàng, đúng đối tượng và tuyến đường cho phép.

b) Phối hợp huy động các phương tiện vận tải để sẵn sàng phối hợp vận chuyển hàng hóa thiết yếu cung ứng cho người dân trong tình huống cấp bách.

## **7. Sở Giáo dục và Đào tạo**

Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp cùng các địa phương hỗ trợ, tạo điều kiện cho Công ty Cổ phần Sách và thiết bị trường học phát triển mạng lưới bán sách giáo khoa, vở học sinh bình ổn, đặc biệt là ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa; đề xuất Chương trình bình ổn giá mặt hàng sách giáo khoa, vở học sinh cho niên học 2024 - 2025. Đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn hướng dẫn các trường trên địa bàn tỉnh thực hiện chương trình tái sử dụng sách giáo khoa đạt hiệu quả.

## **8. Sở Y tế**

a) Phổ biến cho các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà hàng, bếp ăn tập thể trên địa bàn thông tin về các doanh nghiệp, cơ sở tham gia chương trình để kết nối tiêu thụ sản phẩm.

b) Chỉ đạo các cơ sở y tế trên địa bàn triển khai công tác kiểm tra, giám sát công tác phòng chống dịch theo từng tình huống; hướng dẫn, phối hợp lực lượng quân đội, tổ hậu cần phường, xã, thị trấn, các đơn vị chức năng có liên quan triển khai các phương án đảm bảo an toàn phòng, chống dịch trong quá trình tổ chức cung ứng thực phẩm cho người dân.

## **9. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh**

a) Thông tin, tuyên truyền đến các công ty đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, các doanh nghiệp trong khu công nghiệp về chương trình bình ổn giá, để các doanh nghiệp biết, tham gia khi có nhu cầu tiêu dùng và phục vụ tại các bếp ăn tập thể của doanh nghiệp; vận động các doanh nghiệp tham gia dự trữ hàng hóa thiết yếu cùng với tỉnh.

b) Rà soát, cung cấp danh sách các doanh nghiệp sản xuất hàng hóa thiết yếu trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh (Tên doanh nghiệp, địa chỉ, quy mô/công suất, thông tin liên hệ...) và thông tin về Sở Công Thương để tổng hợp, chủ động vận động nguồn hàng trong trường hợp cần thiết.

### **10. Cục Quản lý thị trường tỉnh**

a) Chủ trì xây dựng kế hoạch kiểm tra, kiểm soát thị trường, chủ động phối hợp với các cơ quan có liên quan trong công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường nhằm phát hiện, xử lý theo thẩm quyền đối với các hành vi vi phạm pháp luật như đầu cơ, găm hàng, sản xuất – kinh doanh hàng cấm, hàng ngoại nhập lậu, gian lận thương mại, hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp, hàng không có nguồn gốc xuất xứ, hàng không có nhãn mác, hàng không đảm bảo an toàn thực phẩm, các quy định pháp luật về giá...

b) Kiểm tra, phát hiện, xử lý theo thẩm quyền, theo quy định pháp luật đối với các trường hợp lợi dụng thương hiệu của Chương trình gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng và làm ảnh hưởng uy tín của Chương trình, nhất là vào các dịp lễ, tết.

c) Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất khi có chỉ đạo của UBND tỉnh hoặc khi thị trường có biến động về Sở Công Thương để tổng hợp báo cáo.

### **11. UBND các huyện, thành phố**

a) Xây dựng Kế hoạch bình ổn giá tại địa phương, đăng ký nguồn vốn vay, nguồn hỗ trợ lưu động về Sở Công Thương, Sở Tài chính để tổng hợp chuyển nguồn. Căn cứ nhu cầu tiêu dùng đã đề ra tại Kế hoạch, cụ thể hóa về địa phương, làm việc với các doanh nghiệp, đơn vị tham gia bình ổn đề nghị các đơn vị xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh phù hợp với nhu cầu, kêu gọi các đơn vị tham gia chương trình bình ổn với nhiều hình thức (vay vốn hoặc sử dụng nguồn vốn của các đơn vị).

b) Xây dựng kế hoạch phục vụ tết Nguyên đán năm 2024, đảm bảo nguồn hàng cung ứng đầy đủ cho thị trường Tết tại địa phương với chất lượng ổn định, giá cả phù hợp. Tùy tình hình địa phương, có thể tổ chức các chuyên hàng lưu động phục vụ vùng sâu, vùng xa trong dịp Tết, hoặc nếu địa phương có các điểm tập hóa, siêu thị tiện ích, điểm bán hàng Việt... đảm bảo cung cấp đầy đủ hàng hóa cho người dân thì kêu gọi các đơn vị tham gia và hỗ trợ đơn vị thực hiện. Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn tạo điều kiện, bố trí mặt bằng cho các đơn vị tham gia bán hàng bình ổn giá lưu động, đồng thời thông tin, phát loa tuyên truyền đến người dân nắm thông tin, mua sắm theo nhu cầu.

c) Phối hợp chặt chẽ với Sở Công Thương trong cung cấp thông tin thị trường, bố trí, cung cấp thông tin về điểm bán bình ổn giá và sẵn sàng tiếp nhận hàng hóa được điều động đến để can thiệp thị trường khi hàng hóa tăng giá đột biến hoặc khan hiếm.

d) Phối hợp với Sở Công Thương xây dựng điểm bán hàng Việt, ưu tiên các xã vùng sâu, vùng xa để kết hợp làm điểm bình ổn giá của huyện nhằm đảm bảo nguồn hàng. Xây dựng kế hoạch phát triển mạng lưới bán hàng bình ổn giá gắn với chương trình Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam, hoặc thông qua việc kết hợp với

tiểu thương tại các chợ, các hợp tác xã quản lý chợ, các doanh nghiệp kinh doanh thương mại...

e) Giao các phòng, ban chuyên môn tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia chương trình bán hàng bình ổn giá và kế hoạch bán hàng lưu động của các đơn vị, phối hợp với Liên minh Hợp tác xã, Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai, thẩm định nguồn vốn vay chuyển qua Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai và Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai để giải ngân và thanh toán mức hỗ trợ đối với các hợp tác xã thương mại dịch vụ tham gia bán hàng lưu động phục vụ Tết Nguyên đán.

g) Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền về chương trình bình ổn giá của tỉnh, những quyền lợi và nghĩa vụ của đơn vị tham gia, nhằm vận động các đơn vị sản xuất, kinh doanh, hợp tác xã thương mại dịch vụ trên địa bàn tham gia đem lại hiệu quả thiết thực cho chương trình. Rà soát, thống kê số lượng các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn, vận động các đơn vị tham gia chương trình bình ổn giá, bình ổn thị trường các mặt hàng thiết yếu của tỉnh.

h) Chủ động phối hợp với các đoàn thể thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền về các chủ trương, chính sách và tình hình thị trường, ngăn ngừa các thông tin thất thiệt làm ảnh hưởng đến tình hình giá cả hàng hóa trên thị trường, nhất là trong thời điểm cận Tết. Khi thị trường có dấu hiệu biến động giá bất thường, báo cáo và phối hợp với Sở Công Thương và các sở, ngành liên quan xử lý kịp thời.

i) Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chọn lọc, giới thiệu các cơ sở giết mổ trên địa bàn tham gia chương trình. Chỉ đạo các cơ sở giết mổ đủ điều kiện sẵn sàng nhận gia súc từ các đơn vị tham gia bình ổn giá để giết mổ, kịp thời cung cấp cho thị trường khi thị trường biến động tăng giá.

k) Chỉ đạo Ban Quản lý chợ phải quy hoạch ít nhất mỗi chợ 01 điểm bán hàng bình ổn giá kết hợp với bán các loại hàng hóa khác.

l) Chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định chương trình của các đơn vị tham gia bình ổn giá tại các địa phương, kiểm soát hàng hóa lưu thông trên địa bàn, đề nghị các đơn vị tham gia bình ổn giá (kể cả đơn vị không vay vốn) gửi bản đăng ký giá về Sở Tài chính để được phê duyệt; quản lý giá, kiểm tra, kiểm soát việc niêm yết giá và bán theo giá niêm yết trên địa bàn. Theo dõi sát, chủ động thông tin và phối hợp Sở Công Thương, Sở Tài chính xử lý kịp thời những bất ổn trong diễn biến cung - cầu hàng hóa và các trường hợp biến động giá trên địa bàn (nếu có).

m) Thành lập các tổ hậu cần theo từng phường, xã, thị trấn; trực tiếp chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc Tổ hậu cần địa phương triển khai phương án cung ứng các mặt hàng lương thực, thực phẩm thiết yếu cho người dân trên địa bàn trong tình huống thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp. Rà soát các hệ thống phân phối trên địa bàn, bổ sung đại diện các hệ thống phân phối vào Tổ hậu cần để chủ động triển khai phương án, điều phối, cung ứng hàng hóa kịp thời.

n) Định kỳ hàng tháng tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện chương trình trên địa bàn, tình hình cung - cầu hàng hóa và giá cả thị trường trên địa bàn gửi về Sở Công Thương, Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh **trước ngày 05 hàng tháng**, hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

## 12. Liên minh Hợp tác xã tỉnh

a) Phối hợp UBND các huyện, thành phố thẩm định Kế hoạch tham gia chương trình của các hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực thương mại; chỉ đạo Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai giải ngân vốn vay cho các hợp tác xã nhanh, kịp thời và thu hồi vốn đúng thời gian quy định.

b) Phối hợp UBND các huyện, thành phố phát triển, lựa chọn các HTX có uy tín, có điều kiện về mặt bằng, nhân lực... tham gia hệ thống bán hàng bình ổn giá.

c) Phối hợp với Sở Công Thương, Sở Tài chính kiểm tra, giám sát và hỗ trợ các HTX tổ chức tốt việc bán hàng bình ổn giá.

## 13. Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai và Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai

a) Hướng dẫn, công bố rộng rãi tiêu chí, thành phần hồ sơ cần thẩm định vay vốn, giải ngân đối với các đơn vị tham gia chương trình có nhu cầu vay vốn, nhằm hạn chế, đơn giản hóa thủ tục hành chính, hạn chế việc các hộ kinh doanh/hợp tác xã phải đi lại nhiều lần.

b) Phối hợp UBND cấp huyện, thành phố trong công tác thẩm định vay vốn, giải ngân, trực tiếp tham gia cùng đoàn thẩm định tại địa phương đối với hồ sơ đề nghị vay vốn của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh tham gia chương trình bình ổn giá có vay vốn.

## 14. Các doanh nghiệp kinh doanh siêu thị, sản xuất kinh doanh hàng hóa thiết yếu:

a) Căn cứ nhu cầu tiêu dùng hàng thiết yếu của người dân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (ngày thường và ngày Tết), thời điểm dịch bệnh xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh phù hợp với nhu cầu, đảm bảo nguồn cung, tránh lãng phí hoặc thiếu hụt làm mất cân đối cung cầu. Phân phối hàng hóa đầy đủ đến các điểm bán sỉ, lẻ, không để xảy ra tình trạng thiếu hàng, tăng giá bất hợp lý. Nếu phát hiện các doanh nghiệp khác đầu cơ, găm hàng nhằm tăng giá sản phẩm, kịp thời báo về Sở Công Thương để phối hợp xử lý theo quy định.

b) Xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh phục vụ người dân trên địa bàn trong dịp tết Nguyên đán và Cam kết tham gia bình ổn gửi về Sở Công Thương **trước ngày 15/11/2023** để tổng hợp, báo cáo Bộ Công Thương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh tại Báo cáo Đợt 1. Sau thời gian này, Sở Công Thương vẫn liên tục tiếp nhận thông tin kế hoạch, cam kết, sửa đổi bổ sung của các đơn vị trong suốt thời gian thực hiện Chương trình.

c) Khi thị trường có biến động, Chủ tịch UBND tỉnh sẽ có chỉ đạo Sở Công Thương điều tiết hàng hóa, đề nghị các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh phải phối hợp thực hiện (kinh doanh, dự trữ, phân bổ hàng hóa theo yêu cầu của tỉnh).

## 15. Các đơn vị đăng ký tham gia chương trình bình ổn giá

a) Nghiên cứu phát triển thêm điểm bán tại khu vực vùng nông thôn, tổ chức thêm nhiều chuyển bán hàng lưu động vùng sâu, vùng xa.

b) Có kế hoạch nâng cấp các điểm bán hàng cố định, lưu động, từng bước công nghiệp hóa công tác tổ chức bán hàng; thực hiện nghiêm việc treo băng rôn, dán logo, niêm yết giá rõ ràng dễ thấy; sắp xếp, trưng bày sản phẩm có tính thẩm mỹ; hàng hóa chất lượng, có xuất xứ rõ ràng.

c) Thực hiện kế hoạch bình ổn giá theo đúng cam kết, đăng ký giá bán về Sở Tài chính để được duyệt giá bán các mặt hàng bình ổn, báo cáo kết quả thực hiện theo đúng quy định; sử dụng vốn vay đúng mục đích và hoàn trả vốn vay đúng thời gian quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình bình ổn giá, bình ổn thị trường một số mặt hàng thiết yếu năm 2023 - 2024, phục vụ tết Nguyên đán năm 2024 và ứng phó với các tình huống thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Quá trình thực hiện phát sinh khó khăn, vướng mắc, các đơn vị kịp thời gửi về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo đề xuất UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo xử lý./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Hoàng**

## Phụ lục I

**LƯỢNG DỰ TRỮ HÀNG HÓA BÌNH ỔN GIÁ TRONG 1 THÁNG TRÊN TỔNG SỐ DÂN**  
(Kèm theo Kế hoạch số 240/KH-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	Nhóm hàng	Đơn vị tính	Nhu cầu trong 1 tháng/ người	Giá/đvt (đồng)	Tổng dân số (3.310.862 người)		Lượng dự trữ		
					Lượng hàng hóa	Thành Tiền (đồng)	Tỷ lệ dự trữ so nhu cầu (%)	Lượng hàng	Thành tiền (đồng)
			I	II	III=I*DS	IV=III*II	V	VI=III*V%	VII=VI*II
1	Gạo tẻ	Kg	6,9	20.000	22.844.948	456.898.956.000	2,5	571.124	11.422.473.900
2	Thịt heo	Kg	1,35	120.000	4.469.664	536.359.644.000	10,0	446.966	53.635.964.400
3	Thịt gà	Kg	1,5	50.000	4.966.293	248.314.650.000	5,0	248.315	12.415.732.500
4	Trứng	Quả	12	3.000	39.730.344	119.191.032.000	2,5	993.259	2.979.775.800
5	Thủy hải sản	Kg	1,4	200.000	4.635.207	927.041.360.000	2,5	115.880	23.176.034.000
6	Rau củ quả	Kg	1,9	35.000	6.290.638	220.172.323.000	2,5	157.266	5.504.308.075
7	Mì gói	Gói	15	5.000	49.662.930	248.314.650.000	2,5	1.241.573	6.207.866.250
8	Thực phẩm chế biến đông hộp (tử heo, bò, gà, cá)	Kg	1	100.000	3.310.862	331.086.200.000	2,5	82.772	8.277.155.000
9	Muối ăn	Kg	0,7	5.000	2.317.603	11.588.017.000	2,5	57.940	289.700.425
10	Đường	Kg	0,7	30.000	2.317.603	69.528.102.000	3,0	69.528	2.085.843.060
11	Bột ngọt - Bột nêm	Kg	0,3	70.000	993.259	69.528.102.000	2,5	24.831	1.738.202.550
12	Dầu ăn	Lít	0,4	45.000	1.324.345	59.595.516.000	2,5	33.109	1.489.887.900
13	Nước mắm	Lít	0,3	70.000	993.259	69.528.102.000	2,5	24.831	1.738.202.550
14	Nước tương	Lít	0,3	20.000	993.259	19.865.172.000	2,5	24.831	496.629.300
15	Nước đóng chai	Lít	60	10.000	198.651.720	1.986.517.200.000	2,5	4.966.293	49.662.930.000
16	Khẩu trang vải kháng khuẩn	Chiếc	6	35.000	19.865.172	695.281.020.000	2,5	496.629	17.382.025.500
17	Nước sát khuẩn	Lít	0,2	210.000	662.172	139.056.204.000	2,5	16.554	3.476.405.100
18	Giấy vệ sinh	Cuộn	4	5.000	13.243.448	66.217.240.000	2,5	331.086	1.655.431.000
	<b>Tổng</b>					<b>6.274.083.490.000</b>			<b>203.634.567.310</b>

- Giá 01 đơn vị tính được tham khảo giá trị trung bình từ báo giá hàng ngày tại các chợ hạng 1 trên địa bàn tỉnh, báo giá của Công ty TNHH MTV Siêu thị Co.op Mart;

- Định mức hàng hóa cho 01 người được xác định theo tháp dinh dưỡng của Viện Dinh dưỡng Bộ Y tế và kết quả khảo sát mức sống dân cư năm 2022 (viết gọn là KSMS 2022) của Tổng cục Thống kê.



**Phụ lục II**  
**LƯỢNG DỰ TRỮ HÀNG HÓA TRONG 1 THÁNG TẾT TRÊN TỔNG SỐ DÂN**  
*(Kèm theo Kế hoạch số 240/KH-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh Đồng Nai)*

STT	Nhóm hàng	Đơn vị tính	Nhu cầu trong 1 tháng/ người	Giá/đvt (đồng)	Tổng dân số (3.310.862 người)		Lượng dự trữ		
					Lượng hàng hóa	Thành Tiền (đồng)	Tỷ lệ dự trữ so nhu cầu (%)	Lượng hàng	Thành tiền (đồng)
			I	II	III=I*DS	IV=III*II	V	VI=III*V%	VII=VI*II
1	Gạo tẻ	Kg	20,7	20.000	68.534.843	1.370.696.868.000	2,5	1.713.371	34.267.421.700
2	Thịt heo	Kg	4,05	120.000	13.408.991	1.609.078.932.000	10,0	1.340.899	160.907.893.200
3	Thịt gà	Kg	4,5	50.000	14.898.879	744.943.950.000	5,0	744.944	37.247.197.500
4	Trứng	Quả	36	3.000	119.191.032	357.573.096.000	2,5	2.979.776	8.939.327.400
5	Thủy hải sản	Kg	4,2	200.000	13.905.620	2.781.124.080.000	2,5	347.641	69.528.102.000
6	Rau củ quả	Kg	5,7	35.000	18.871.913	660.516.969.000	2,5	471.798	16.512.924.225
7	Mì gói	Gói	45	5.000	148.988.790	744.943.950.000	2,5	3.724.720	18.623.598.750
8	Thực phẩm chế biến đông hộp (tử heo, bò, gà, cá)	Kg	3	100.000	9.932.586	993.258.600.000	2,5	248.315	24.831.465.000
9	Muối ăn	Kg	2,1	5.000	6.952.810	34.764.051.000	2,5	173.820	869.101.275
10	Đường	Kg	2,1	30.000	6.952.810	208.584.306.000	3,0	208.584	6.257.529.180
11	Bột ngọt - Bột nêm	Kg	0,9	70.000	2.979.776	208.584.306.000	2,5	74.494	5.214.607.650
12	Dầu ăn	Lít	1,2	45.000	3.973.034	178.786.548.000	2,5	99.326	4.469.663.700
13	Nước mắm	Lít	0,9	70.000	2.979.776	208.584.306.000	2,5	74.494	5.214.607.650
14	Nước tương	Lít	0,9	20.000	2.979.776	59.595.516.000	2,5	74.494	1.489.887.900
15	Nước đóng chai	Lít	180	10.000	595.955.160	5.959.551.600.000	2,5	14.898.879	148.988.790.000
16	Khẩu trang vải kháng khuẩn	Chiếc	18	35.000	59.595.516	2.085.843.060.000	2,5	1.489.888	52.146.076.500
17	Nước sát khuẩn	Lít	0,6	210.000	1.986.517	417.168.612.000	2,5	49.663	10.429.215.300
18	Giấy vệ sinh	Cuộn	12	5.000	39.730.344	198.651.720.000	2,5	993.259	4.966.293.000
19	Bánh kẹo	Kg	1	50.000	3.310.862	165.543.100.000	2,5	82.772	4.138.577.500
20	Xăng dầu	Lit	30	25.000	99.325.860	2.483.146.500.000	2,5	2.483.147	62.078.662.500
	<b>Tổng</b>					<b>21.470.940.070.000</b>			<b>677.120.941.930</b>

**Ghi chú: Dự trữ tháng Tết = Dự trữ tháng bình thường x 3**

- Giá 01 đơn vị tính được tham khảo giá trị trung bình từ báo giá hàng ngày tại các chợ hạng 1 trên địa bàn tỉnh, báo giá của Công ty TNHH MTV Siêu thị Co.op Mart;

- Định mức hàng hóa cho 01 người được xác định theo tháp dinh dưỡng của Viện Dinh dưỡng Bộ Y tế và kết quả khảo sát mức sống dân cư năm 2022 (viết gọn là KSMS 2022) của Tổng cục Thống kê.

**Phụ lục III**  
**BẢNG TỔNG HỢP HÀNG HÓA DỰ TRỮ ỨNG PHÓ VỚI CÁC TÌNH HUỐNG**  
**THIÊN TAI, DỊCH BỆNH CHO TOÀN TỈNH ĐỒNG NAI (3.310.862 người)**  
*(Kèm theo Kế hoạch số 240/KH-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh Đồng Nai)*

STT	Nhóm hàng	Đơn vị tính	Định mức 01 người/n ngày	Tổng nhu cầu toàn tỉnh trong 01 ngày	Tổng nhu cầu toàn tỉnh trong 01 tháng	Dự ước nhu cầu BOG trong mùa dịch (30% dân số)	Giá 01 đơn vị tính (VNĐ)	Tổng giá trị nhu cầu BOG trong nửa tháng (VNĐ)	Tổng giá trị nhu cầu BOG trong 01 tháng (VNĐ)
			I	II=I*DS	III=II*30	IV=III*30%	V	VI=IV*V/2	VII=IV*V
1	Gạo tẻ	Kg	0,23	761.498	22.844.948	6.853.484	20.000	68.534.843.400	137.069.686.800
2	Thịt heo	Kg	0,05	148.989	4.469.664	1.340.899	120.000	80.453.946.600	160.907.893.200
3	Thịt gà	Kg	0,05	165.543	4.966.293	1.489.888	50.000	37.247.197.500	74.494.395.000
4	Trứng	Quả	0,40	1.324.345	39.730.344	11.919.103	3.000	17.878.654.800	35.757.309.600
5	Thủy hải sản	Kg	0,05	154.507	4.635.207	1.390.562	200.000	139.056.204.000	278.112.408.000
6	Rau củ quả	Kg	0,06	209.688	6.290.638	1.887.191	35.000	33.025.848.450	66.051.696.900
7	Mì tôm	Gói	0,50	1.655.431	49.662.930	14.898.879	5.000	37.247.197.500	74.494.395.000
8	Thực phẩm chế biến đóng hộp (từ heo, bò, gà, cá)	Kg	0,03	110.362	3.310.862	993.259	100.000	49.662.930.000	99.325.860.000
9	Muối ăn	Kg	0,02	77.253	2.317.603	695.281	5.000	1.738.202.550	3.476.405.100
10	Đường	Kg	0,02	77.253	2.317.603	695.281	30.000	10.429.215.300	20.858.430.600
11	Bột ngọt - Bột nêm	Kg	0,01	33.109	993.259	297.978	70.000	10.429.215.300	20.858.430.600
12	Dầu ăn	Lít	0,01	44.145	1.324.345	397.303	45.000	8.939.327.400	17.878.654.800
13	Nước mắm	Lít	0,01	33.109	993.259	297.978	70.000	10.429.215.300	20.858.430.600
14	Nước tương	Lít	0,01	33.109	993.259	297.978	20.000	2.979.775.800	5.959.551.600
15	Nước đóng chai	Lít	2,00	6.621.724	198.651.720	59.595.516	10.000	297.977.580.000	595.955.160.000
16	Khẩu trang vải kháng khuẩn	Chiếc	0,20	662.172	19.865.172	5.959.552	35.000	104.292.153.000	208.584.306.000
17	Nước sát khuẩn	Lít	0,01	22.072	662.172	198.652	210.000	20.858.430.600	41.716.861.200
18	Giấy vệ sinh	Cuộn	0,13	441.448	13.243.448	3.973.034	5.000	9.932.586.000	19.865.172.000
	<b>Tổng</b>							<b>941.112.523.500</b>	<b>1.882.225.047.000</b>

**Ghi chú:**

- Giá 01 đơn vị tính được tham khảo giá trị trung bình từ báo giá hàng ngày tại các chợ hạng 1 trên địa bàn tỉnh, báo giá của Công ty TNHH MTV Siêu thị Co.op Mart;

- Định mức hàng hóa cho 01 người được xác định theo tháp dinh dưỡng của Viện Dinh dưỡng Bộ Y tế và kết quả khảo sát mức sống dân cư năm 2022 (viết gọn là KSMS 2022) của Tổng cục Thống kê.

**Phụ lục IV**  
**BẢNG TỔNG HỢP KẾ HOẠCH, NHU CẦU ĐĂNG KÝ VỐN TỪ CÁC ĐỊA PHƯƠNG**  
*(Kèm theo Kế hoạch số 240/KH-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh Đồng Nai)*

STT		Số điểm bán BOG				Số điểm bán hàng lưu động		Số bảng rôn BOG cần cấp	Ghi chú
		Số điểm bán cần vay vốn	Số vốn vay tương ứng (đồng)	Số vốn vay bổ sung vào dịp Tết (đồng)	Số điểm không vay vốn	Số chuyển	Kinh phí hỗ trợ (đồng)		
1	Biên Hòa				21		21		
2	Định Quán	1	250.000.000		5	20	12	60.000.000	
3	Long Khánh	3	2.500.000.000		3		6		
4	Long Thành				4				
5	Nhon Trạch				61		61		
6	Tân Phú	1	800.000.000			30	4	81.000.000	
7	Thống Nhất				2		2		
8	Trảng Bom	1	400.000.000			20	20	50.000.000	
9	Vĩnh Cửu				14		10		
10	Xuân Lộc	3	500.000.000				3		
11	Cẩm Mỹ				5	75	7	183.750.000	
<b>Tổng</b>		<b>9</b>	<b>4.450.000.000</b>	<b>0</b>	<b>115</b>	<b>145</b>	<b>146</b>	<b>374.750.000</b>	

---

---

**VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐỒNG NAI XUẤT BẢN**

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Văn Trị, P. Thanh Bình,

TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 02513.941869

Email: [congbao@dongnai.gov.vn](mailto:congbao@dongnai.gov.vn)

Website: <http://congbao.dongnai.gov.vn>